

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16
(Sửa đổi, bổ sung lần 1)

Tp. HCM, ngày 7 tháng 02 năm 2007

ĐIỀU LỆ **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG** **CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16** (Sửa đổi, bổ sung)

- Căn cứ Luật doanh nghiệp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

- Căn cứ Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần;

- Căn cứ Quyết định số 2158 /QĐ-BXD ngày 18 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty Xây dựng số 16 - Tổng công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng;

- Căn cứ Quyết định số 327 /QĐ-BXD ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc điều chỉnh phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty xây dựng số 16 thuộc Tổng công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Công ty cổ phần;

Điều lệ Công ty Cổ phần LICOGI16 (sửa đổi, bổ sung – sau đây gọi tắt là Điều lệ) là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức, hoạt động của Công ty, được thông qua bởi các cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần LICOGI 16 ngày 07 tháng 02 năm 2007. Bản Điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của công ty. Trong trường hợp Điều lệ này không có quy định thì áp dụng Luật doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

----***----

CHƯƠNG I : ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Giải thích từ ngữ

1.1 - Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

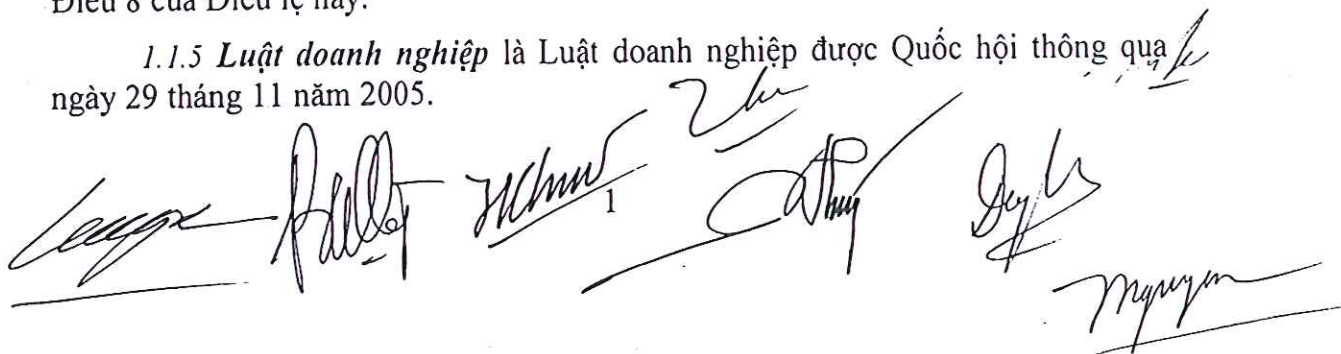
1.1.1 *Hội đồng* có nghĩa là Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

1.1.2 *Công ty* có nghĩa là Công ty Cổ phần LICOGI 16.

1.1.3 *Địa bàn kinh doanh* là địa bàn mà Công ty tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

1.1.4 *Vốn điều lệ* là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được qui định tại Điều 8 của Điều lệ này.

1.1.5 *Luật doanh nghiệp* là Luật doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.



1.1.6 Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

1.1.7 Người quản lý doanh nghiệp là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty, các Phó giám đốc công ty, Kế toán trưởng công ty, Trưởng các Phòng, Ban của Công ty; Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Giám đốc xí nghiệp, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc nhà máy, Giám đốc văn phòng đại diện hoặc các chức danh tương đương tùy theo cơ cấu được HĐQT phê duyệt. Cán bộ quản lý được HĐQT hoặc Giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo phân cấp được ghi trong Điều lệ này và các Quy chế của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty.

1.1.8 Những người liên quan là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được qui định trong Điều 4, khoản 17 của Luật doanh nghiệp.

1.1.9 Cổ đông là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.

1.1.10 Thời hạn là thời hạn ban đầu của Công ty được qui định tại Điều 2 của Điều lệ này.

1.1.11 Việt Nam là nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.2 - Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

1.3 - Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi mà không ảnh hưởng tới nội dung và ý nghĩa của Điều lệ này.

1.4 - Các từ ngữ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ được hiểu tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2: Tên công ty, hình thức sở hữu, trụ sở và thời hạn hoạt động

2.1 - Tên Công ty bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

Tên giao dịch đối ngoại:

LICOGI 16 JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt:

LICOGI 16

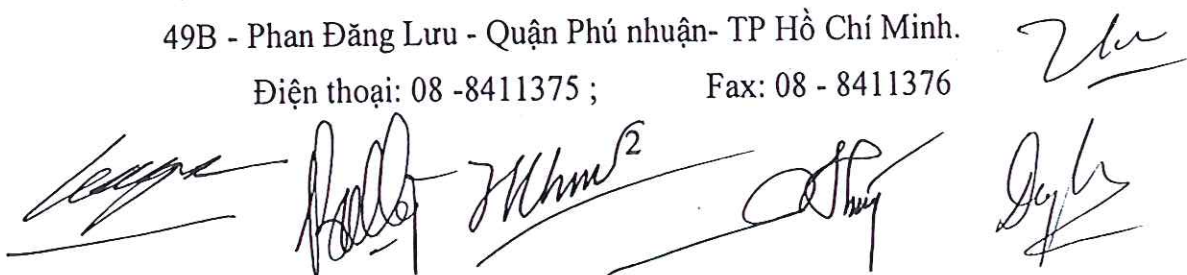
2.2 - Hình thức sở hữu:

Công ty được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang hình thức Công ty Cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân đầy đủ theo pháp luật Việt Nam, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ.

2.3 - Trụ sở đăng ký của Công ty:

49B - Phan Đăng Lưu - Quận Phú Nhuận- TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08 -8411375 ; Fax: 08 - 8411376



E-mail: cc16@hcm.vnn.vn

Website: www.licogi16.com

2.4 - Công ty có thể thành lập các Xí nghiệp, nhà máy, chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh trong và ngoài lãnh thổ Việt nam để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi Luật pháp cho phép.

2.5 - Công ty sẽ bắt đầu hoạt động từ ngày thành lập, có thời hạn không xác định, trừ khi chấm dứt hoạt động theo điều 61 của Điều lệ này.

CHƯƠNG II : MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG , QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 3: Mục tiêu hoạt động của công ty

3.1 - Góp phần xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước, tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty nhằm mục đích tối đa hoá lợi nhuận thông qua việc mở rộng hình thức sở hữu và huy động vốn, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và phương pháp quản lý tiên tiến.

3.2 - Tạo công ăn việc làm, duy trì quyền làm chủ của người lao động trong Công ty.

3.3 - Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và bảo đảm lợi nhuận cho Công ty, đảm bảo lợi tức cho các cổ đông.

Điều 4: Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay , bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình.

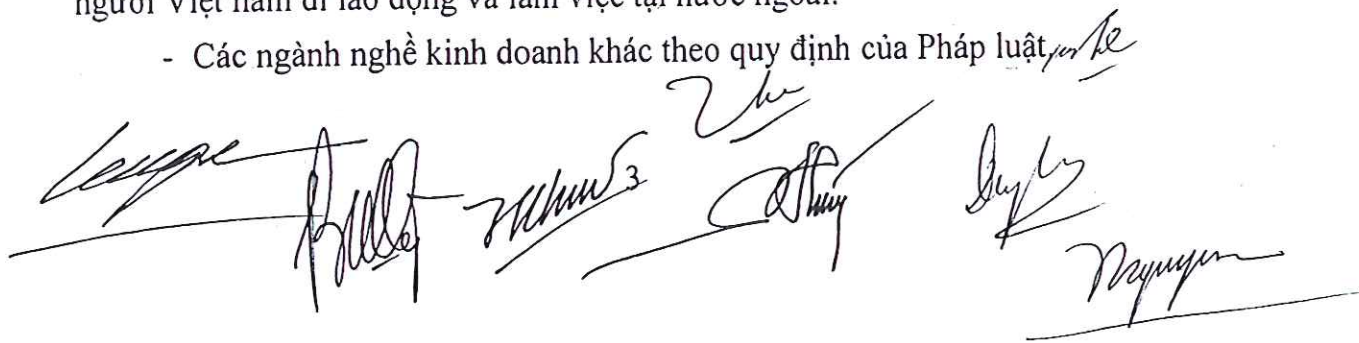
- Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, ống công bê tông, bê tông thương phẩm, gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng, cốp pha định hình, giàn giáo, khung nhà công nghiệp.

- Các hoạt động dịch vụ: cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật, Tư vấn đầu tư, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát công trình, dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình khác.

- Đầu tư và kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ,...

- Xuất nhập khẩu máy móc và vật tư, thí nghiệm vật liệu xây dựng, đưa người Việt nam đi lao động và làm việc tại nước ngoài.

- Các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của Pháp luật



CHƯƠNG III : VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT

Điều 8: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

8.1 - Cổ phần do Công ty phát hành lần đầu là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 19 Điều lệ này.

8.2 - Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).

Cổ phần phát hành lần đầu là 1.200.000 cổ phần với mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần với tổng giá trị 12.000.000.000 đồng. Trong đó:

Cổ phần nhà nước do Tổng công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng (LICOGI) nắm giữ: 480.000 cổ phần, trị giá 4.800.000.000 đồng (Bốn tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn), chiếm 40% cổ phần phát hành lần đầu.

Cổ phần bán cho các thể nhân, pháp nhân khác: 720.000 cổ phần, trị giá 7.200.000.000 đồng (Bảy tỷ, hai trăm triệu đồng chẵn), chiếm 60% cổ phần phát hành lần đầu; Trong đó, cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp: 84.400 cổ phần, trị giá 844.000.000 đồng (Tám trăm bốn bốn triệu đồng chẵn), chiếm 7,03% cổ phần phát hành lần đầu

8.3 - Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi thấy cần thiết để mở rộng sản xuất kinh doanh, việc tăng vốn điều lệ do Đại hội cổ đông quyết định và phải phù hợp với các quy định của pháp luật. Việc giảm vốn điều lệ của công ty thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp.

8.4- Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho các hoạt động kinh doanh như: Mua sắm đầu tư tài sản, máy móc thiết bị mở rộng quy mô hoạt động; mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh, các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản, kinh doanh theo nội dung hoạt động của công ty.

8.5- Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (Trừ trường hợp đại hội đồng cổ đông quyết định khác phù hợp với quy định của pháp luật)

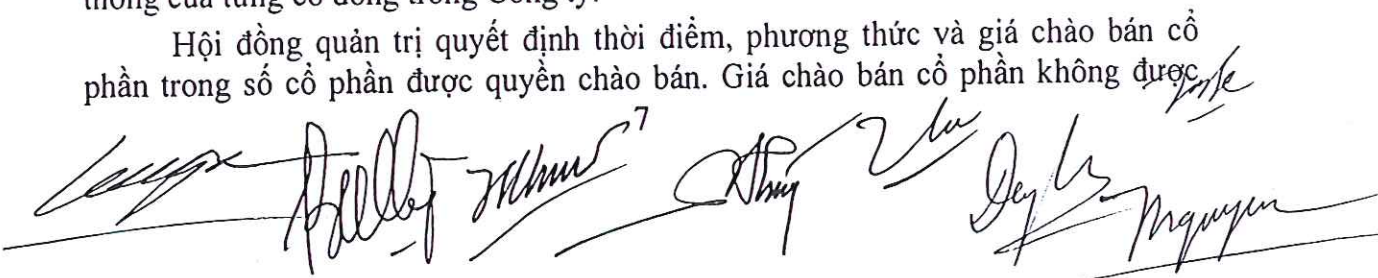
8.6 - Công ty có thể phát hành các loại cổ phần khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

8.7 - Công ty có thể phát hành cổ phần với giá trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ do HĐQT quyết định và phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.

8.8 - Tên, địa chỉ và số lượng cổ phần và các chỉ tiêu khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp sẽ được nêu tại Phụ lục I đính kèm. Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ này.

8.9 - Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành thêm sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được



thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;
- Cổ phần chào bán cho các đối tác chiến lược;
- Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do HĐQT quyết định.

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn hai mươi một ngày) để cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được cổ đông đặt mua hết đều chịu sự kiểm soát của HĐQT. HĐQT có thể phân phối hoặc tặng các quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng khác, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Khoản 2 Điều 86 của Luật doanh nghiệp được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

8.10 - Công ty có thể mua lại cổ phần của chính mình đã phát hành (kể cả cổ ưu đãi phần hoàn lại) theo những cách thức được qui định trong Luật doanh nghiệp và các Luật khác có liên quan phù hợp với các thẩm quyền mà Đại hội đồng cổ đông đã cho phép theo qui định trong Điều lệ này và Luật doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ lại làm cổ phần ngân quỹ và có thể được HĐQT chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với qui định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8.11 - Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm, và khi có phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông có thể phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu thường, quyền mua cổ phần, chứng quyền và các loại chứng khoán khác phù hợp với qui định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8.12 - Cổ đông sáng lập

Cổ đông sáng lập là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản điều lệ đầu tiên của Công ty có sở hữu **5.000 cổ phần** phát hành lần đầu trở lên.

(Danh sách cổ đông sáng lập được kèm theo tại Phụ lục của Điều lệ)

The image shows several handwritten signatures in black ink, likely representing the founding shareholders mentioned in the text. The signatures are written in a cursive style and are located at the bottom of the page, below the text regarding the list of founding shareholders.

Điều 9: Cổ phiếu

Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần Công ty.

Cổ phiếu Công ty bao gồm: Cổ phiếu ghi danh và cổ phiếu vô danh. Các cổ phiếu phát hành lần đầu là cổ phiếu ghi danh.

Cổ phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu theo qui định tại Điều 85 - Luật doanh nghiệp. Cổ phiếu ghi danh chỉ được chuyển nhượng khi được sự đồng ý của HĐQT và không còn hạn chế theo qui định của Luật doanh nghiệp.

Cổ phiếu vô danh tự do chuyển nhượng mà không bị các hạn chế nêu trên. Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu nhất định.

Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu Công ty và có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các qui định tại Luật doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, số tiền đã thanh toán, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật doanh nghiệp qui định. Một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.

Nếu một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng, tẩy xoá, bị đánh mất, mất cắp, bị tiêu huỷ thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Người sở hữu cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

Cổ phiếu của Công ty có thể được lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán theo pháp luật về chứng khoán.

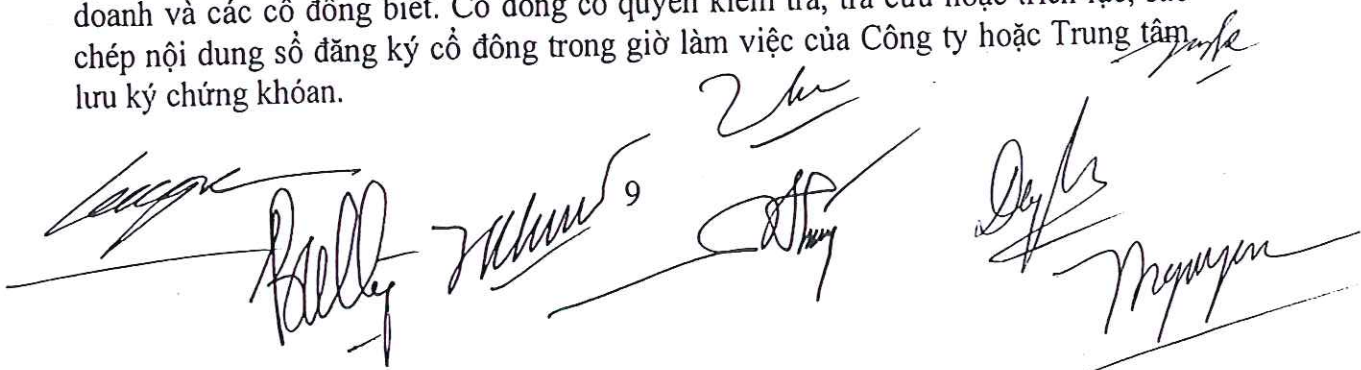
Điều 10: Sổ đăng ký cổ đông

Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông là văn bản và tập dữ liệu điện tử hoặc cả 2 loại.

Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, trụ sở công ty
- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại
- Tổng số cổ phần đã bán và giá trị cổ phần đã góp
- Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần của mỗi cổ đông, ngày tháng đăng ký cổ phần

Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và các cổ đông biết. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.



Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

Điều 11: Chuyển nhượng cổ phần

11.1 – Ngoại trừ cổ phần ưu đãi biểu quyết, các loại cổ phần khác có thể được tự do chuyển nhượng, nhưng phải đảm bảo tuân thủ những hạn chế sau:

11.1.1 Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán và phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty.

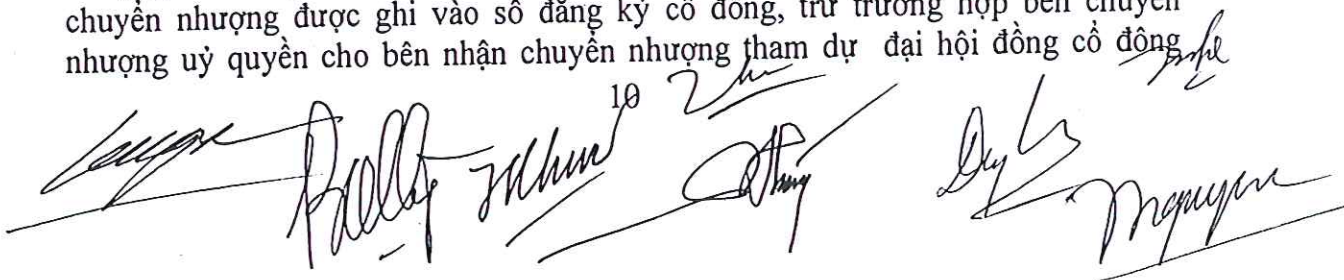
Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

Các hạn chế nêu trên không áp dụng đối với cổ phần phổ thông do cổ đông sáng lập nhận chuyển nhượng từ các cổ đông khác không phải là cổ đông sáng lập sau thời điểm thành lập Công ty hoặc được Công ty phân phối theo quy định của pháp luật và Điều lệ này trong những đợt phát hành cổ phần bổ sung; hoặc các cổ phần phổ thông mà cổ đông sáng lập có được từ việc trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu thưởng của Công ty.

11.1.2 Cổ phần được xác nhận bởi cổ phiếu ghi danh của các cổ đông là người lao động trong doanh nghiệp sẽ được chuyển nhượng khi được phép của HĐQT (nếu cổ đông đó không phải là cổ đông sáng lập). Cổ phần phổ thông bán cho người lao động trong doanh nghiệp theo phương thức trả chậm không được chuyển nhượng trước khi hoàn tất việc thanh toán cho Công ty.

11.2 - Các cổ đông sáng lập không được rút khỏi tư cách thành viên Công ty trong vòng 03 năm tài chính đầu tiên của Công ty. Việc chấm dứt tư cách thành viên phải được đề nghị bằng văn bản, được gửi trực tiếp hoặc gửi bằng đường bưu điện cho HĐQT. Trong trường hợp này, các cổ đông sáng lập còn lại sẽ có quyền ưu tiên mua trước số cổ phần của cổ đông sáng lập trên theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần sở hữu.

11.3 - Trừ khi HĐQT có qui định khác (phù hợp với qui định của Luật doanh nghiệp), tất cả việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường hoặc theo bất kỳ cách nào mà HĐQT có thể chấp nhận. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi bên chuyển nhượng hoặc người thay mặt bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký cổ đông, trừ trường hợp bên chuyển nhượng uỷ quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự đại hội đồng cổ đông



diễn ra trong thời gian đó theo qui định tại Luật doanh nghiệp. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi danh cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đó chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

11.4 - HĐQT hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần ghi tên nào chưa được thanh toán đầy đủ.

11.5 - Trong trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ số cổ phần của người đã chết:

- Người thừa kế hợp pháp theo luật định và được cơ quan pháp luật có thẩm quyền xác nhận.

- Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử người đại diện duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.

Người hoặc những người thừa kế hợp pháp nếu đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế sau khi vào sổ đăng ký cổ đông sẽ trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

11.6 - Trong suốt thời gian của nhiệm kỳ, thành viên HĐQT không được phép chuyển nhượng vượt quá 50% số cổ phần mà mình sở hữu và phải duy trì tỷ lệ này trong 1 năm tiếp theo, kể từ ngày không còn là thành viên HĐQT.

11.7- Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình, trong thời hạn 60 ngày xem xét, xử lý việc chuyển nhượng. Trường hợp không chấp nhận cho chuyển nhượng cổ phiếu, hội đồng quản trị thông báo rõ lý do cho các cổ đông. Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phiếu không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phiếu đó.

Điều 12: Thu hồi cổ phần

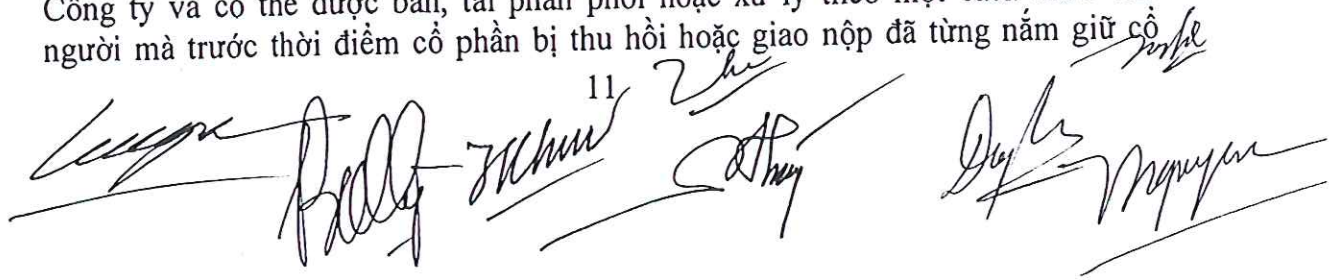
12.1 - Nếu cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần thì HĐQT có thể gửi thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.

12.2 - Thông báo nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.

12.3 - Nếu các yêu cầu của thông báo nêu trên không được thực hiện thì HĐQT có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. HĐQT có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

12.4 - Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ

11



phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.

12.5 - Một cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi, giao nộp phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không vượt quá tỷ lệ lãi suất vay vốn lưu động tại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi và tiền vay) theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán và HĐQT có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó. Nếu cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn mà làm phát sinh thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

12.6 - Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi, nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 13: Mua lại cổ phần

13.1 - Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.

13.1.1- Cổ đông biểu quyết phân đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại điều lệ có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày đại hội cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề trên

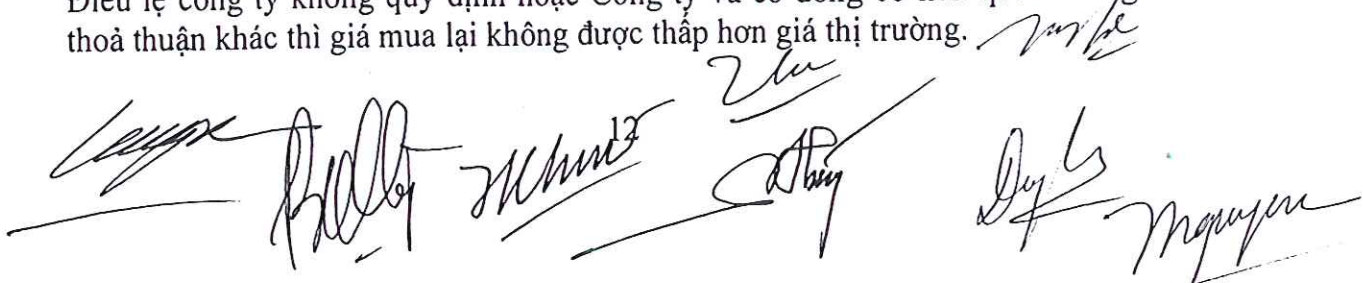
13.1.2- Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 13.1.1 trên đây với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc quy định tại điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong trường hợp không thỏa thuận được về giá, thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 3 tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

13.2- Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

13.2.1- Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đó được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

13.2.2- Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 13.2.3 Điều lệ này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.



13.2.3- Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nêu trên.

Việc mua lại cổ phần khi Công ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán được thực hiện theo pháp luật về chứng khoán.

Điều 14: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

14.1- Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại các Điều 13 của Điều lệ này, nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

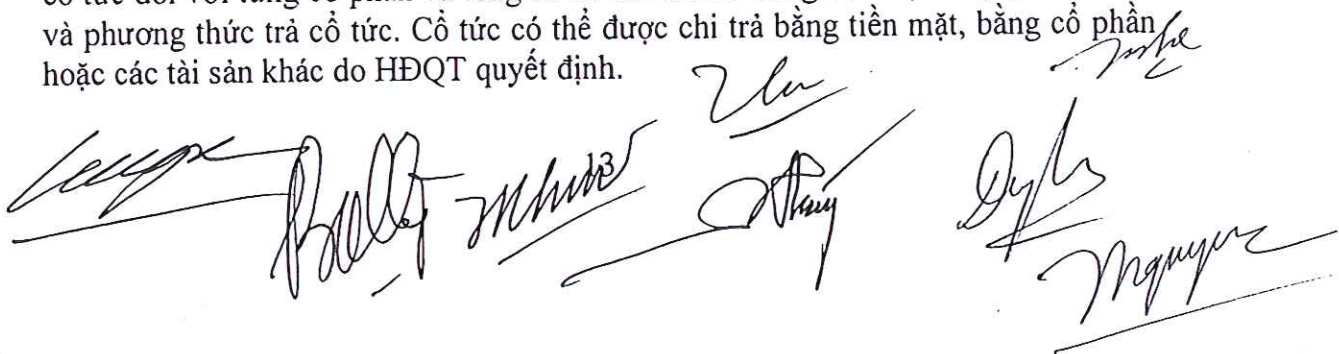
14.2- Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 13 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.

14.3- Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 15: Trả cổ tức

15.1- Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả..

15.2- Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác nhận mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày thực hiện chi trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty, tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần hoặc các tài sản khác do HĐQT quyết định.



15.3- Các cổ đông chuyên nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyên nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

Điều 16: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều 14 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái Điều 15 của Điều lệ này thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc số tài sản khác đã nhận; trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.

Điều 17: Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của công ty bao gồm:

- 15.1- Đại hội đồng cổ đông
- 15.2- Hội đồng quản trị
- 15.3- Ban giám đốc công ty
- 15.4- Ban kiểm soát

CHƯƠNG IV: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18: Quy định chung về cổ đông

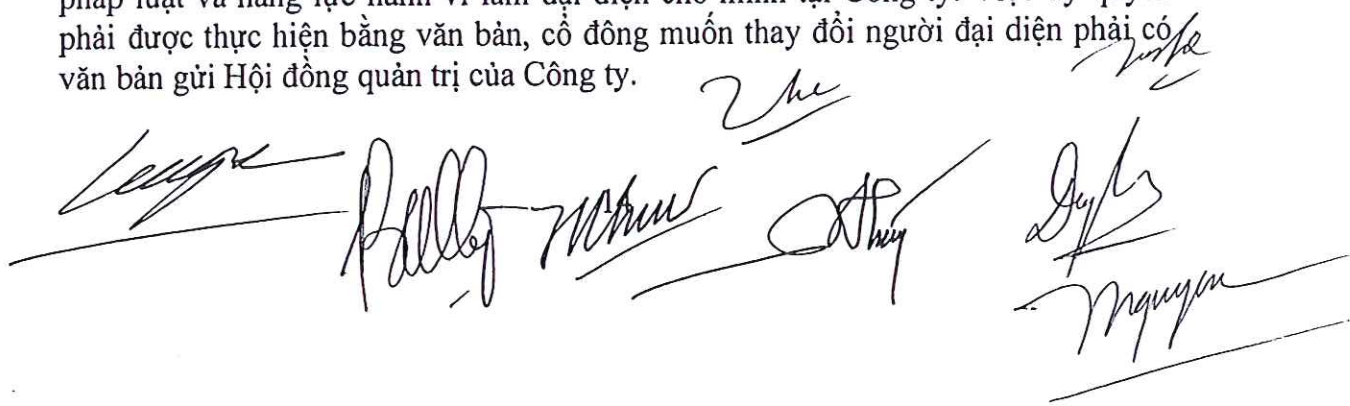
18.1 - Cổ đông của Công ty là những tổ chức hoặc cá nhân (không thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 13 Luật doanh nghiệp) sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty. Cổ đông có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ công ty, các quy chế, các quyết định của Hội đồng quản trị và các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

18.2 - Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp của mình vào Công ty dưới hình thức mua cổ phần.

18.3- Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần hoặc đã đóng một phần và có cam kết đóng đủ tiền trong thời hạn quy định và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

18.4- Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty do Tổng công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng cử hoặc do quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền .

18.5- Cổ đông là thể nhân có thể uỷ quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty. Việc uỷ quyền phải được thực hiện bằng văn bản, cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị của Công ty.



18.6- Các cổ đông có thể tự nhóm lại với nhau để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.

18.7- Trường hợp cổ đông là pháp nhân phá sản, giải thể thì cổ phần của cổ đông này sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản và các quy định khác có liên quan.

18.8- Trong trường hợp bất kỳ cổ đông nào chết hoặc chấm dứt hoạt động, thì những người hay pháp nhân được nêu dưới đây phải chỉ định một người duy nhất làm đại diện cho những cổ phần của cổ đông đã chết hoặc chấm dứt hoạt động này:

- Đối với cá nhân : Những người thừa kế.

- Đối với pháp nhân : Những người hay pháp nhân được thay thế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với trường hợp không có người thừa kế hoặc kế thừa:

Những người hay pháp nhân thừa kế theo quy định của toà án.

Những người đại diện này được Công ty coi là người sở hữu những cổ phần của cổ đông chết hoặc chấm dứt hoạt động và có quyền và nghĩa vụ như các cổ đông khác của Công ty theo quy định của Điều lệ và Pháp luật.

Điều 19: Quyền hạn của cổ đông Công ty

19.1 - Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Quyền lợi và trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.

19.2 - Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

19.2.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 5.000 cổ phần trở lên được cử 01 người tham dự trong các cuộc họp Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; quyền biểu quyết tương ứng với phần vốn góp, một lá phiếu tương ứng với 5.000 cổ phần.

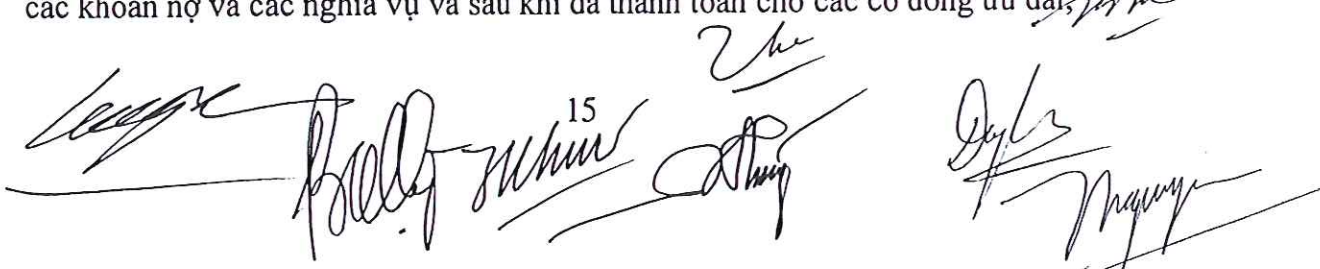
19.2.2 Nhận cổ tức tương ứng với phần vốn góp với mức theo quyết định của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị;

19.2.3 Được mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần nếu đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Luật pháp;

19.2.4 Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

19.2.5 Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin khác chính xác;

19.2.6 Trong trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau khi đã thanh toán cho các cổ đông ưu đãi;



19.2.7 Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại điều 13 Điều lệ này; và

19.2.8 Các quyền khác do pháp luật quy định.

19.3 - Đối với Đại hội đồng cổ đông thành lập:

Cổ đông là đại diện pháp nhân sở hữu số cổ phần từ 8% cổ phần phát hành lần đầu trở lên, thể nhân hoặc nhóm thể nhân là chủ sở hữu số cổ phần từ 5% cổ phần phát hành lần đầu trở lên được đề cử vào thành viên Hội đồng quản trị. Cổ đông là đại diện pháp nhân sở hữu số cổ phần từ 8% cổ phần phát hành lần đầu trở lên, thể nhân hoặc nhóm thể nhân là chủ sở hữu số cổ phần từ 5% cổ phần phát hành lần đầu trở lên được đề cử vào thành viên Ban kiểm soát Công ty.

19.4 - Đối với Đại hội đồng cổ đông khác :

Cổ đông là đại diện pháp nhân sở hữu số cổ phần từ 8% cổ phần đã phát hành trở lên tại thời điểm tổ chức Đại hội, thể nhân hoặc nhóm thể nhân là chủ sở hữu số cổ phần từ 5% cổ phần đã phát hành trở lên tại thời điểm tổ chức Đại hội được đề cử vào thành viên Hội đồng quản trị. Cổ đông là đại diện pháp nhân sở hữu số cổ phần từ 8% cổ phần đã phát hành trở lên tại thời điểm tổ chức Đại hội, thể nhân hoặc nhóm thể nhân là chủ sở hữu số cổ phần từ 5% cổ phần đã phát hành trở lên tại thời điểm tổ chức Đại hội được đề cử vào thành viên Ban kiểm soát Công ty.

19.5- Cổ đông hay một nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất từ 10% vốn điều lệ công ty trong thời gian liên tục từ 06 tháng trở lên có quyền:

19.5.1 Yêu cầu triệu tập đại hội đồng cổ đông; và

19.5.2 Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

19.5.3 Các quyền khác được quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 20: Trách nhiệm và Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

20.1 - Tuân thủ Điều lệ Công ty và các Quy chế, Nội quy, các Quyết định của HĐQT và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

20.2 - Thanh toán đủ số tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký, chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty;

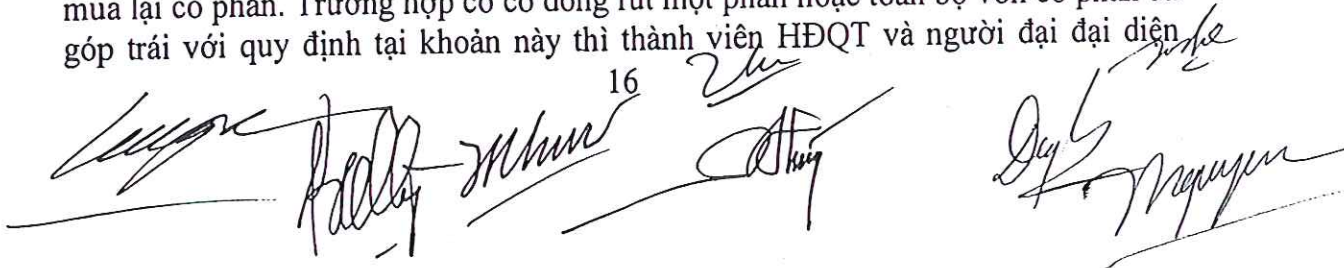
20.3- Chịu trách nhiệm về số lỗ của Công ty tương ứng với số cổ phần mình sở hữu và chỉ chịu trách nhiệm về những khoản nợ của Công ty trong phạm vi số cổ phần của mình.

20.4- Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.

20.5- Các cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

20.6- Các cổ đông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên HĐQT và người đại diện

16



theo pháp luật của công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đó bị rút.

20.7- Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- Vi phạm pháp luật;
- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

20.8- Thực hiện các nghĩa vụ khác do Luật pháp quy định.

Điều 21 : Đại hội đồng cổ đông

21.1 - Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 19 Khoản 19.2 của Điều lệ này đều được tham dự Đại hội đồng cổ đông, gồm: Đại hội đồng cổ đông thành lập, Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường.

21.2 - Đại hội đồng cổ đông Thường niên mỗi năm họp một lần do HĐQT triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do HĐQT quy định trong thời hạn không quá 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông Thường niên quyết định những vấn đề được Luật doanh nghiệp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo.

21.3 - HĐQT phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

21.3.1 HĐQT xét thấy cần thiết để thảo luận về chủ trương đầu tư, báo cáo kiểm toán về tình hình tài chính của Công ty hoặc bất kỳ một vấn đề gì khác vì lợi ích của Công ty;

21.3.2 Khi thấy Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy Công ty lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán;

21.3.3 Khi số thành viên của HĐQT ít hơn số thành viên của Luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

21.3.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 19.6 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan); và

21.3.5 Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc bộ máy quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ quy định tại Điều 119 của Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

Handwritten signatures of board members and legal representatives. The signatures are in black ink and are located at the bottom of the page. There are approximately seven distinct signatures, some with horizontal lines underneath. A small number '17' is written near one of the signatures.

21.3.6 Theo đề nghị của Giám đốc Công ty, hoặc của 3/4 trong tổng số thành viên HĐQT.

21.4 - Quy định về quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

21.4.1 HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại điểm 21.3.4, 21.3.5 hoặc 21.3.6 trên đây;

21.4.2 Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp nêu trên thì Ban Kiểm soát phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định của Luật doanh nghiệp;

21.4.3 Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại khoản 19.6 của Điều lệ này có quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

21.4.4 Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 22: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

22.1 - Đại hội đồng cổ đông thành lập có nhiệm vụ:

- + Thảo luận và thông qua Điều lệ Công ty;
- + Bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- + Thông qua phương án sản xuất kinh doanh;
- + Quyết định cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thành lập chỉ hợp lệ khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất từ 60% số cổ phần phát hành lần đầu trở lên.

22.2 - Đại hội đồng cổ đông Thường niên được tổ chức hằng năm, mỗi năm một lần trong thời gian bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Riêng năm tài chính đầu tiên, nếu thời gian hoạt động của công ty dưới 07 tháng thì Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể không triệu tập và trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải thông báo kết quả sản xuất kinh doanh, quy định mức cổ tức của năm tài chính đầu tiên đến tất cả cổ đông. Đại hội có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

22.2.1 Báo cáo tài chính hàng năm;

22.2.2 Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình Công ty;

22.2.3 Báo cáo của HĐQT;

22.2.4 Báo cáo của các kiểm toán viên; và

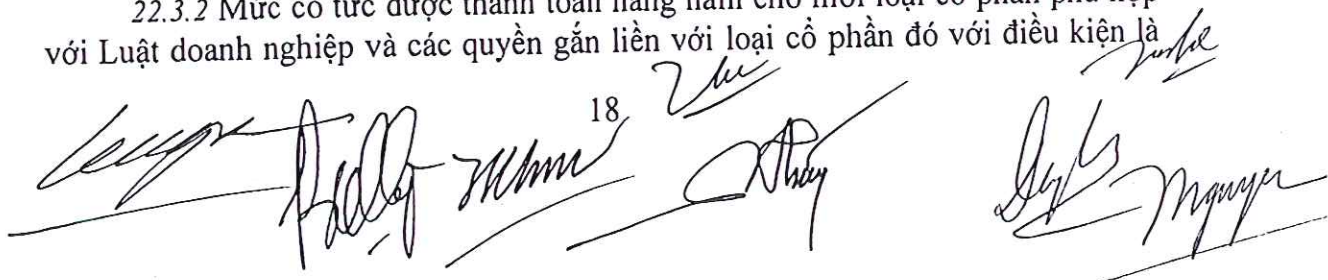
22.2.5 Kế hoạch phát triển ngắn hạn (01 năm) và dài hạn (từ 02 năm trở lên) của Công ty.

22.3 - Đại hội đồng cổ đông có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:

22.3.1 Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm, kế hoạch đầu tư;

22.3.2 Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là

18



mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

22.3.3 Số lượng thành viên của HĐQT;

22.3.4 Bầu, bãi miễn, thay thế thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát;

22.3.5 Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT;

22.3.6 Bổ sung và sửa đổi Điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ;

22.3.7 Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 3 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

22.3.8 Sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

22.3.9 Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

22.3.10 Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

22.3.11 Giao dịch bán tài sản Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty trở lên tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất;

22.3.12 Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% cổ phần hoặc cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành;

22.3.13 Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120, các hợp đồng quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng khác với giá trị tương ứng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán; và

22.3.14 Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

22.4 - Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một Nghị quyết nào để thông qua trong các trường hợp sau:

22.4.1 Các hợp đồng quy định tại Điều 22.3.13 Điều lệ này, nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc

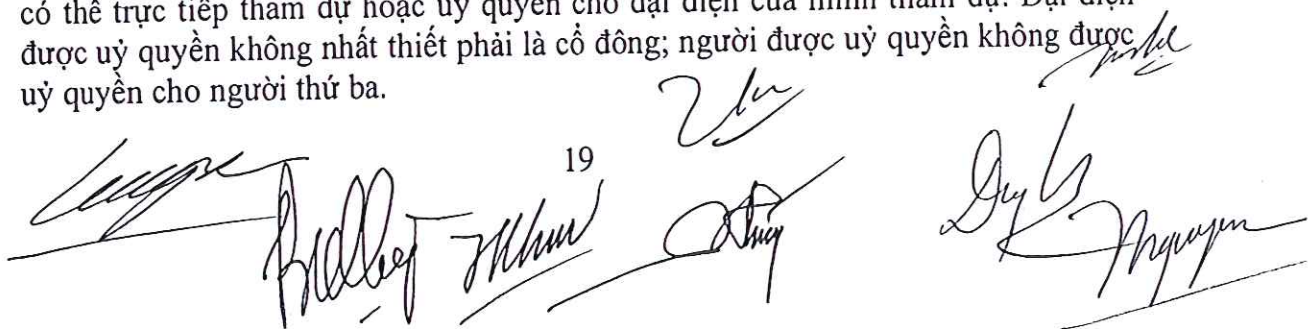
22.4.2 Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của bất kỳ người nào có liên quan đến cổ đông đó.

22.4.3 Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 23: Các đại diện được uỷ quyền

23.1 - Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được uỷ quyền không nhất thiết phải là cổ đông; người được uỷ quyền không được uỷ quyền cho người thứ ba.

19



23.2 - Việc chỉ định đại diện được uỷ quyền phải được lập thành văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà HĐQT chấp thuận và;

23.2.1 Trường hợp là cá nhân thì phải được ký bởi người uỷ quyền hoặc bởi luật sư của người đó; và

23.2.2 Trường hợp là pháp nhân thì phải được thủ trưởng hoặc đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký và đóng dấu.

23.3 - Lá phiếu bầu của đại diện được uỷ quyền trong phạm vi được uỷ quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện uỷ quyền đó đã:

23.3.1 Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình;

23.3.2 Huy bỏ việc chỉ định uỷ quyền; hoặc

23.3.3 Huy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

23.3.4 Tuy nhiên, điều này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu trên không muộn hơn 48 giờ trước cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 24: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo

24.1 - HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại Điều 21.4.2 hoặc 21.4.3 Điều lệ này.

24.2 - Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

24.2.1 Lập danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội cổ đông trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung họp, và chuẩn bị các tài liệu phù hợp với Luật pháp và các quy định của Công ty;

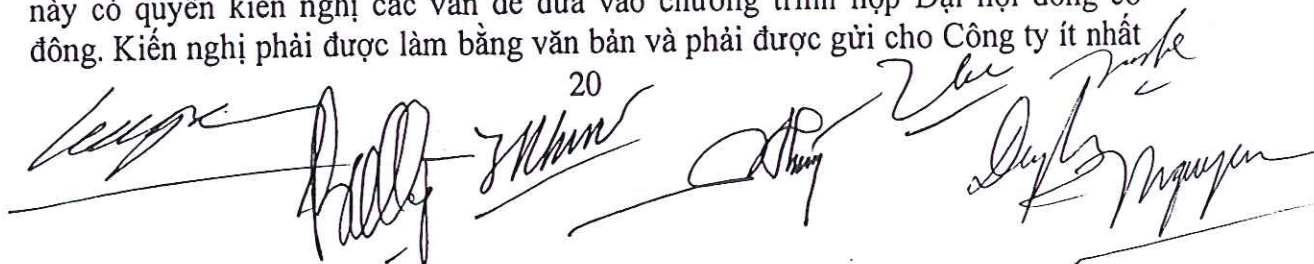
21.2.2 Xác định thời gian và địa điểm đại hội; và

21.2.3 Thông báo mời họp cho các cổ đông, gửi thông báo đại hội cho cổ đông chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc.

24.3 - Thông báo Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo về Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông; hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Nếu cổ đông đã thông báo cho công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử thì thông báo họp có thể sẽ được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trong trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty thì thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi họ làm việc. Thông báo phải được gửi ít nhất trước 07 ngày họp Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Nếu Công ty có Website, thông báo về họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

24.4 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 19.6 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất

20



04 ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

24.5 - Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 24.4 của Điều này nếu:

24.5.1 Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;

24.5.2 Vào thời điểm đề xuất; cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên;

24.5.3 Kiến nghị không chứa đựng những thông tin cần thiết; và

24.5.4 Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

24.6 - Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, HĐQT phải chuẩn bị dự thảo một Nghị quyết.

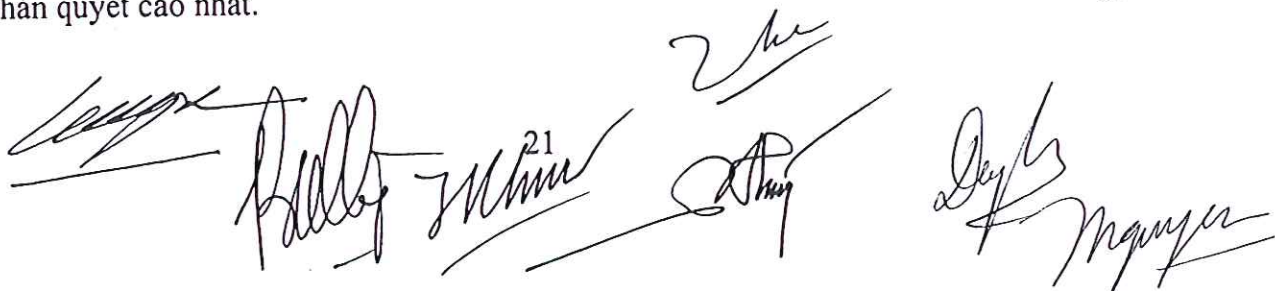
Điều 25: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

25.1 - Đại hội đồng cổ đông sẽ được chủ trì bởi Chủ tịch HĐQT, hoặc người triệu tập đại hội. Những người tham dự đại hội cử một thư ký ghi biên bản cuộc họp. Thư ký đại hội có quyền kiểm tra hoặc yêu cầu Ban kiểm soát xem xét tư cách dự đại hội cổ đông của những người tham gia để đại hội quyết định.

25.2 - Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Trong đại hội đồng cổ đông triệu tập lại cần có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Khi Đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, một Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này. Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.

25.3 - Cổ đông đến họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội đó để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

25.4 - Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp được gửi kèm theo thông báo mời họp. Các vấn đề khác do chủ tọa Đại hội đồng cổ đông quyết định. Quyết định của chủ tọa trong các trường hợp đó sẽ mang tính phán quyết cao nhất.



Handwritten signatures of several individuals, including one with the number 21.

25.5 - Không cần lấy ý kiến của đại hội, bất cứ lúc nào chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn một đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

25.5.1 Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội,

25.5.2 Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến trật tự của cuộc họp và:

Đại hội họp lại sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

25.6 - Chủ tọa của đại hội hoặc thư ký đại hội có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

25.7 - Người chủ tọa Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ký các biên bản và gửi cho HĐQT hoặc các cổ đông dự Đại hội (khi cổ đông có yêu cầu) ngay khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đó trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi những biên bản đó đi. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty.

25.8- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau:

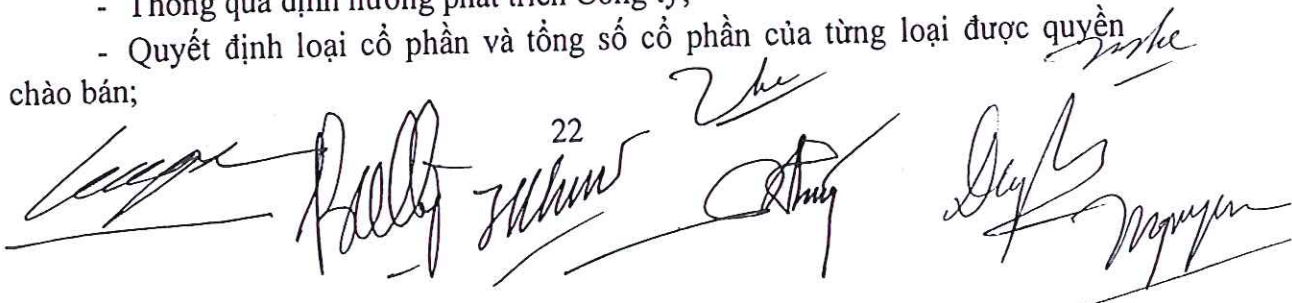
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông
- Chương trình làm việc
- Chủ tọa và thư ký đại hội
- Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội
- Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội, số phiếu chấp thuận, số phiếu chống, số phiếu trắng và các vấn đề thông qua
- Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết
- Họ tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký đại hội

Điều 26: Thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

26.1 - Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trong trường hợp cần thiết thì lấy ý kiến bằng văn bản:

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua định hướng phát triển Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;



- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ khác;

- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

26.2 - Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

- Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty nếu Điều lệ công ty không có quy định khác thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định;

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

26.3- Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

2.4- Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận;

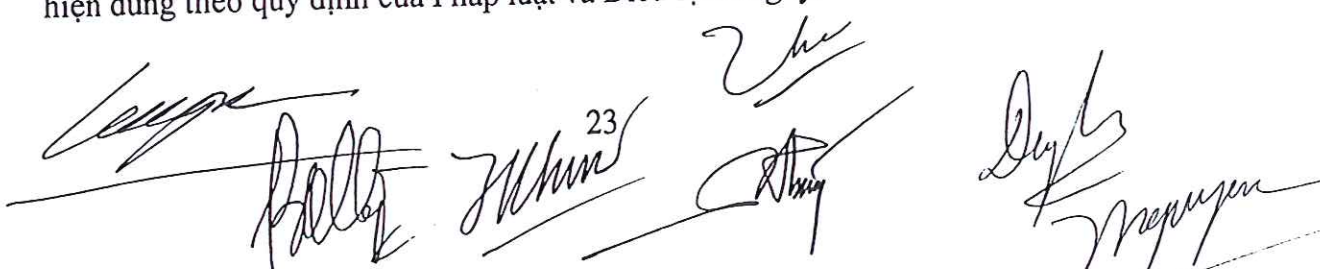
26.5- Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo tới cổ đông có quyền dự họp trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua

26.6- Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

Điều 27: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án xem xét và huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

27.1 - Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.



27.2 - Nội dung quyết định vi phạm quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28: Thành phần HĐQT, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn Thành viên HĐQT

28.1 - HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Nhiệm kỳ đầu tiên HĐQT có từ 05 đến 07 thành viên nhiệm kỳ 05 năm, các nhiệm kỳ sau có từ 05 đến 11 thành viên với thời hạn nhiệm kỳ là 5 năm, do Đại hội đồng cổ đông bầu. Số lượng thành viên HĐQT cho một nhiệm kỳ cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên HĐQT được trúng cử với đa số phiếu được bầu tính theo số lượng cổ phần, bằng thể thức bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín, trong trường hợp cần thiết. Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản; Thành viên HĐQT có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo. Số lượng nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là không hạn chế. Khi bầu các thành viên HĐQT, Công ty phải thực hiện mục tiêu: ít nhất một phần ba số thành viên phải được bầu lại tại mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi HĐQT hết nhiệm kỳ, chủ tịch và các thành viên HĐQT tiếp tục hoạt động cho đến khi Đại hội đồng cổ đông bầu ra HĐQT nhiệm kỳ tới.

Hội đồng quản trị gồm 1 Chủ tịch và các uỷ viên. Hội đồng quản trị bầu và bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT bằng thể thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín với đa số phiếu chấp thuận (tính theo số thành viên Hội đồng quản trị).

28.2 - Thành viên của HĐQT do các cổ đông đề cử theo quy định tại điều 28.3 và được Đại hội cổ đông bầu thông qua bỏ phiếu.

28.3 - Quyền đề cử thành viên HĐQT:

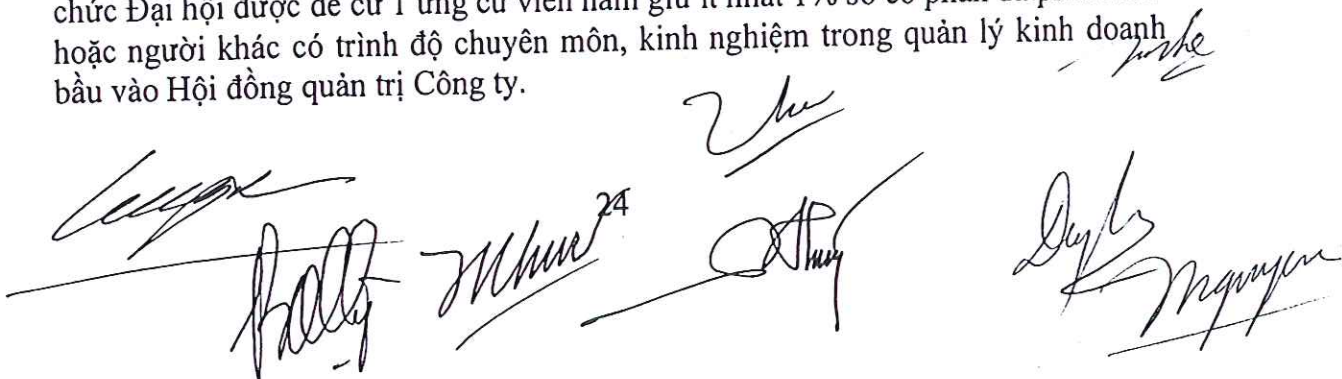
28.3.1 - Đối với Đại hội cổ đông thành lập :

Cổ đông là đại diện pháp nhân sở hữu số cổ phần từ 8% đến 20% cổ phần đã phát hành lần đầu trở lên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông là thể nhân sở hữu số cổ phần từ 5% cổ phần phát hành lần đầu trở lên được đề cử 1 ứng cử viên nắm giữ ít nhất 1% số cổ phần phát hành lần đầu bầu vào Hội đồng quản trị Công ty.

Cổ đông là đại diện pháp nhân sở hữu số cổ phần từ 20% cổ phần phát hành lần đầu trở lên được đề cử 2 ứng cử viên nắm giữ ít nhất 1% số cổ phần phát hành lần đầu bầu vào HĐQT Công ty.

28.3.2 - Đối với Đại hội cổ đông khác:

Cổ đông là đại diện pháp nhân sở hữu số cổ phần từ 8% đến 20% cổ phần đã phát hành trở lên tại thời điểm tổ chức Đại hội, cổ đông hoặc nhóm cổ đông là thể nhân sở hữu số cổ phần từ 5% cổ phần đã phát hành trở lên tại thời điểm tổ chức Đại hội được đề cử 1 ứng cử viên nắm giữ ít nhất 1% số cổ phần đã phát hành hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh bầu vào Hội đồng quản trị Công ty.



Cổ đông là đại diện pháp nhân sở hữu số cổ phần từ 20% cổ phần đã phát hành tại thời điểm tổ chức Đại hội được đề cử 2 ứng cử viên nắm giữ ít nhất 1% số cổ phần đã phát hành hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh bầu vào Hội đồng quản trị Công ty.

28.4 - Tiêu chuẩn thành viên HĐQT:

28.4.1 Phải là cổ đông của Công ty nắm giữ ít nhất 1% số cổ phần đã phát hành tại thời điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh bầu vào Hội đồng quản trị Công ty.

28.4.2 Phải là người có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, mẫn cán trong công việc và biết đặt lợi ích của Công ty cao hơn lợi ích cá nhân.

28.4.3 Phải là người có đủ năng lực bao gồm sức khỏe và trí tuệ, đáp ứng được các yêu cầu của công việc đặt ra. Thành viên là Chủ tịch HĐQT cần phải có trình độ học vấn từ đại học trở lên, có kiến thức kinh doanh tốt, am hiểu luật pháp, có khả năng hoạch định chiến lược và nhạy bén trong kinh doanh.

28.4.4 Không thuộc diện qui định tại Khoản 2 và 3 Điều 13 Luật Doanh nghiệp, không vi phạm các qui định của Pháp lệnh cán bộ công chức, trừ trường hợp những người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác.

28.4.5 Không bị chấm dứt tư cách Thành viên theo qui định tại Điều 28.5. Điều lệ Công ty.

28.5 - Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT:

28.5.1 Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định của Luật doanh nghiệp, bị Luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT.

- Vi phạm Điều lệ công ty, không còn khả năng đảm nhiệm công việc và theo đề nghị của ít nhất 3/5 số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm.

- Vi phạm các quy định cấm của Pháp luật.

- Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.

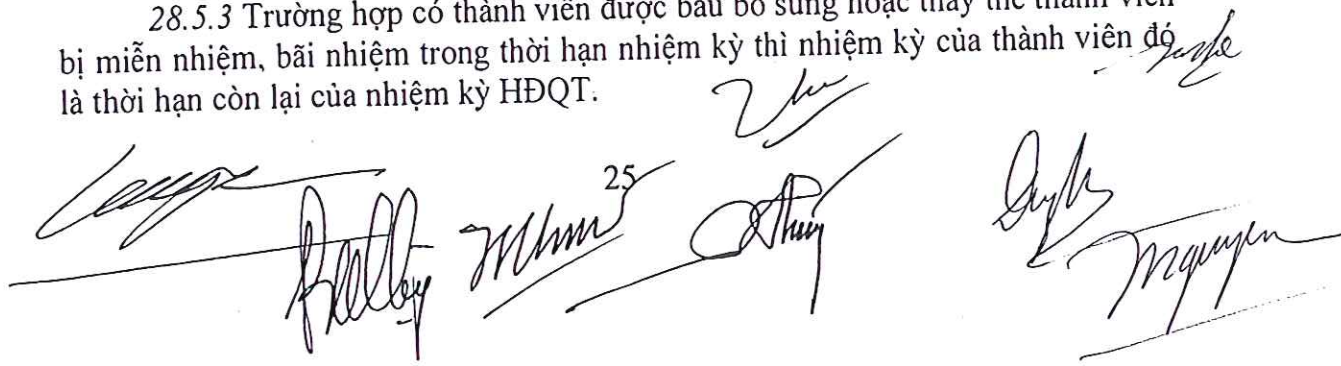
- Bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

- Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.

- Chết (vì tất cả các lý do).

28.5.2 Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

28.5.3 Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.



25

Điều 29: Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị

29.1- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm thì HĐQT bầu 1 thành viên trong HĐQT thay thế theo nguyên tắc đa số quá bán, đảm nhiệm công việc cho đến Đại hội gần nhất.

29.2- Trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông bất thường trong thời hạn 60 ngày để bầu bổ sung; các trường hợp khác tại cuộc họp gần nhất Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên HĐQT mới thay thế vào các vị trí thành viên HĐQT bị miễn nhiệm.

29.3- Chủ tịch, uỷ viên HĐQT muốn từ chức, từ nhiệm hoặc cổ đông là pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình trong HĐQT của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi Hội đồng quản trị công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, HĐQT phải họp để xem xét và quyết định.

Điều 30: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

30.1 - HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

30.1.1 Quyết định kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh ngắn hạn và trung hạn, chiến lược của Công ty;

30.1.2 Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội cổ đông thông qua;

30.1.3 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký và chấm dứt hợp đồng lao động và thực hiện việc khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc Công ty và các chức vụ quản lý: Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty nếu HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty.

30.1.4 Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; quy chế quản lý nội bộ của công ty, mua cổ phần tại các doanh nghiệp khác và góp vốn trong phạm vi quyền hạn của mình.

30.1.5 Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại. Quyết định việc huy động thêm vốn theo các hình thức khác;

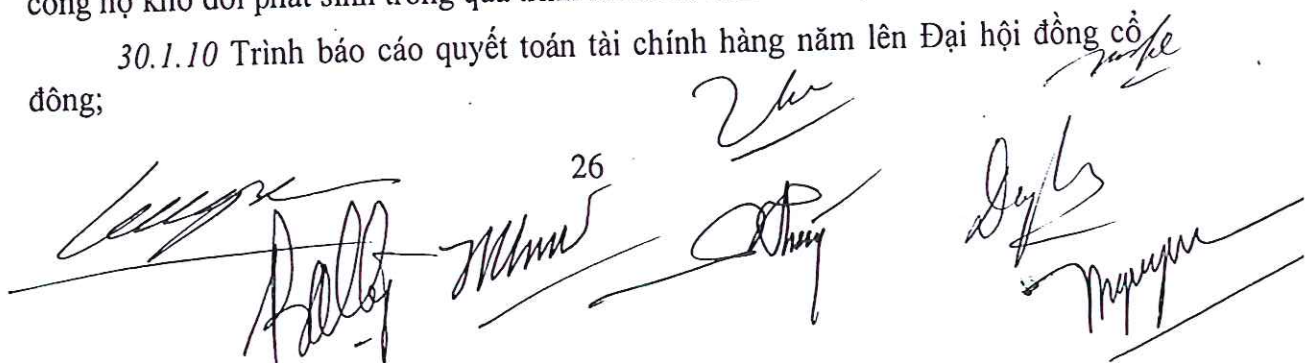
30.1.6 Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;

30.1.7 Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

30.1.8 Phê duyệt phương án đề Giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, khen thưởng, nâng lương đối với các chức danh: Giám đốc xí nghiệp, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc nhà máy, trưởng văn phòng đại diện, Trưởng, Phó Phòng, Ban, Đội trưởng và quyết định mức lương của họ;

30.1.9 Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời để tổ chức việc chi trả cổ tức, cách thức và hình thức chi trả cổ tức. Xử lý các khoản lỗ, công nợ khó đòi phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh;

30.1.10 Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;



30.1.11 Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

30.1.12 Quyết định phương án đầu tư đối với các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Duyệt dự toán, thiết kế, quyết toán các dự án đầu tư đã thông qua tại Đại hội đồng cổ đông;

30.1.13 HĐQT có thể đình chỉ các quyết định của Giám đốc công ty nếu thấy vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ công ty, nghị quyết và các quy định của Hội đồng quản trị;

30.1.14 Xem xét việc chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của Điều lệ;

30.1.15 Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ, những sai phạm trong quản trị gây thiệt hại cho Công ty;

30.1.16 Hội đồng quản trị phải bồi thường bằng vật chất do những quyết định gây thiệt hại cho Công ty, mức bồi thường do Đại hội đồng cổ đông quyết định

30.1.17 Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;

30.2 - Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:

30.2.1 Việc thành lập Chi nhánh hoặc các Văn phòng đại diện của Công ty;

30.2.2 Việc thành lập các Công ty con của Công ty;

30.2.3 Các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán của công ty (ngoại trừ các giao dịch được quy định tại các khoản 22.3.11 và 22.3.13 của Điều lệ này);

30.2.4 Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

30.2.5 Các dự án đầu tư phát sinh, chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua có giá trị đầu tư dưới 50% vốn điều lệ;

30.2.6 Việc định giá các tài sản góp vào Công ty phải bằng tiền liên quan đến phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

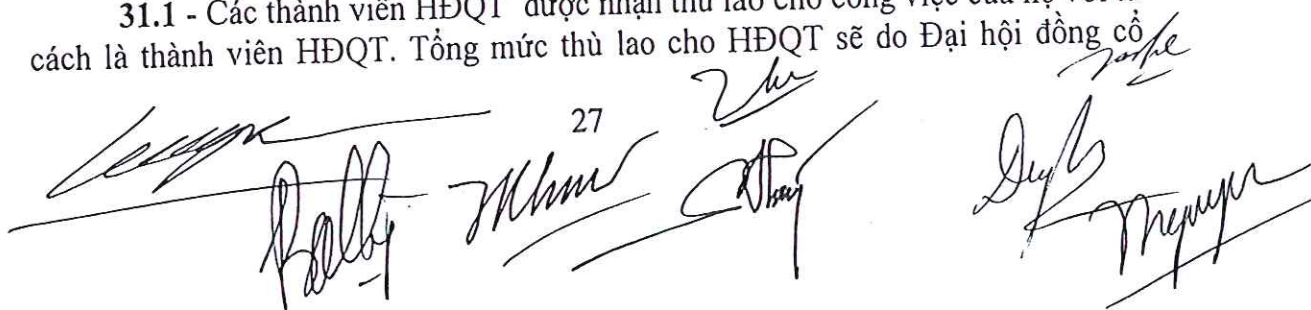
30.2.7 Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại;

30.2.8 Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

30.3 - HĐQT phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng đối với Giám đốc Công ty và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của HĐQT, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 31: Quyền lợi của thành viên HĐQT

31.1 - Các thành viên HĐQT được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do Đại hội đồng cổ

 27

đồng quyết định và theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT. Riêng năm đầu tiên của nhiệm kỳ do HĐQT quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong Hội đồng nếu không thỏa thuận được thì chia đều.

31.2 - Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT và số tiền mỗi thành viên được nhận phải ghi chú chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

31.3 - Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch) hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

31.4- Các thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông. Tất cả các chi phí này được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

Điều 32: Chủ tịch HĐQT và các thành viên Hội đồng quản trị

HĐQT bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị và ủy quyền cho 1 trong những thành viên khác thay mặt khi Chủ tịch HĐQT đi vắng. Việc bầu hoặc miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT dựa trên nguyên tắc biểu quyết đa số. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Giám đốc Công ty.

32.1 - Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau:

32.1.1- Là người đứng đầu bộ máy Quản trị Công ty;

32.1.2 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

32.1.3- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp hội đồng quản trị;

32.1.4- Tổ chức việc thông qua quyết định của hội đồng quản trị ;

32.1.5- Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị

32.1.6 - Chủ tọa họp đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ;

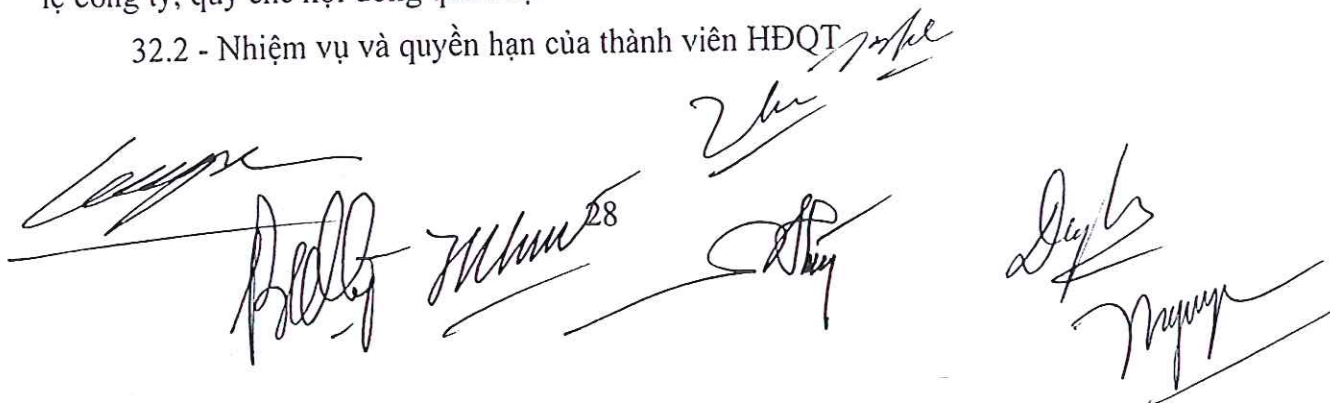
32.1.7- Lập chương trình công tác và phân công các thành viên thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty;

32.1.8- Quyết định cử đi công tác, đào tạo nước ngoài đối với các chức danh do HĐQT quản lý theo đề nghị của Giám đốc công ty,

32.1.9 - Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình,

32.1.10- Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại luật doanh nghiệp và điều lệ công ty, quy chế hội đồng quản trị.

32.2 - Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT



Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được HĐQT phân công, được uỷ quyền cho người khác và phải được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

32.2.1- Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.

32.2.2- Tham dự các phiên họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về những quyết định của mình.

32.2.3- Thực hiện Điều lệ Công ty và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

32.2.4- Được quyền yêu cầu các cán bộ quản lý trong công ty cung cấp tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.

32.2.5- Thành viên HĐQT là đại diện quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định hiện hành của Pháp luật.

32.2.6- Một trong số các thành viên HĐQT có thể kiêm Giám đốc Công ty

Điều 33: Hoạt động của HĐQT

33.1- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị:

33.1.1 - Họp thường kỳ: Mỗi quý phải họp ít nhất một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường;

33.1.2 - Theo đề nghị bằng văn bản của trưởng Ban kiểm soát hoặc của Giám đốc công ty; hoặc của ít nhất 3/5 số thành viên Hội đồng quản trị; hoặc của ít nhất 05 người quản lý Doanh nghiệp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có yêu cầu. Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

33.2- Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 trong tổng số thành viên HĐQT tham dự. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

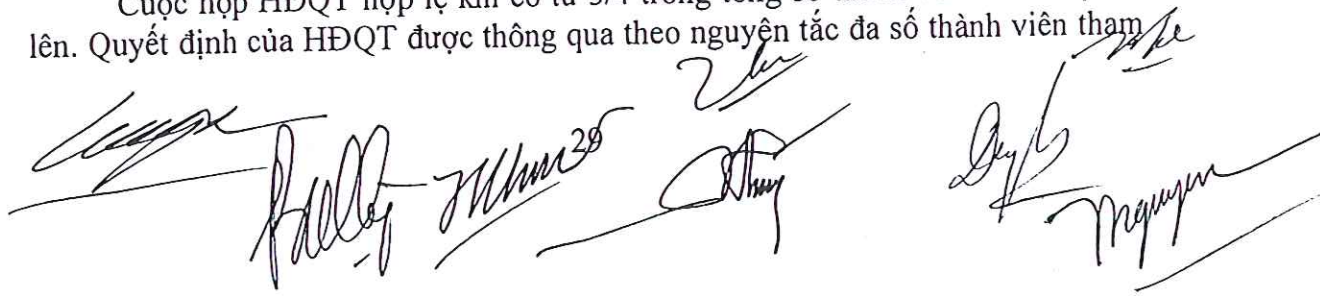
33.3- Hội đồng quản trị có thể mở rộng thành phần họp khi cần thiết, những thành phần mời họp mở rộng được thảo luận nhưng không được biểu quyết.

33.4- Các hình thức thông qua quyết định của HĐQT

Hội đồng quản trị có quyền thông qua quyết định bằng việc tiến hành họp biểu quyết trực tiếp hoặc hỏi ý kiến bằng văn bản.

33.4.1- Quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp

Cuộc họp HĐQT hợp lệ khi có từ 3/4 trong tổng số thành viên tham dự trở lên. Quyết định của HĐQT được thông qua theo nguyên tắc đa số thành viên tham

The bottom of the page contains several handwritten signatures in black ink, likely representing the members of the Board of Directors mentioned in the text above. The signatures are stylized and vary in length and complexity.

dự chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của Chủ tịch HĐQT là quyết định cuối cùng.

33.4.2- Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua với hình thức hỏi ý kiến bằng văn bản.

Trường hợp thông qua quyết định của HĐQT bằng thư tín và Fax thì quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên HĐQT biểu quyết chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT là quyết định cuối cùng.

Trong trường hợp thông qua với hình thức hỏi ý kiến bằng văn bản, các thành viên HĐQT phải nhận được:

- Danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến
- Phiếu hỏi ý kiến kèm theo tài liệu liên quan (nếu có)

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày gửi phiếu hỏi ý kiến đến các thành viên HĐQT, người tổ chức lấy ý kiến phải tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản về kết quả kiểm phiếu và thông qua kết quả hỏi ý kiến đến tất cả các thành viên HĐQT

33.4.3- Mọi Nghị quyết, quyết định của HĐQT trong mỗi phiên họp đều phải ghi thành biên bản và phải được thông qua các thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký.

CHƯƠNG VI: BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁC CHỨC DANH QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 34: Tổ chức của Bộ máy điều hành

34.1 - Ban Tổng Giám đốc là Bộ máy điều hành các hoạt động của Công ty, chịu trách nhiệm và dưới sự lãnh đạo của HĐQT.

34.2 - Ban Tổng Giám đốc Công ty có: Tổng Giám đốc Công ty, một số Phó tổng giám đốc Công ty. Tổng Giám đốc Công ty và các Phó tổng giám đốc Công ty có thể đồng thời cùng là thành viên HĐQT và do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo Nghị quyết của HĐQT.

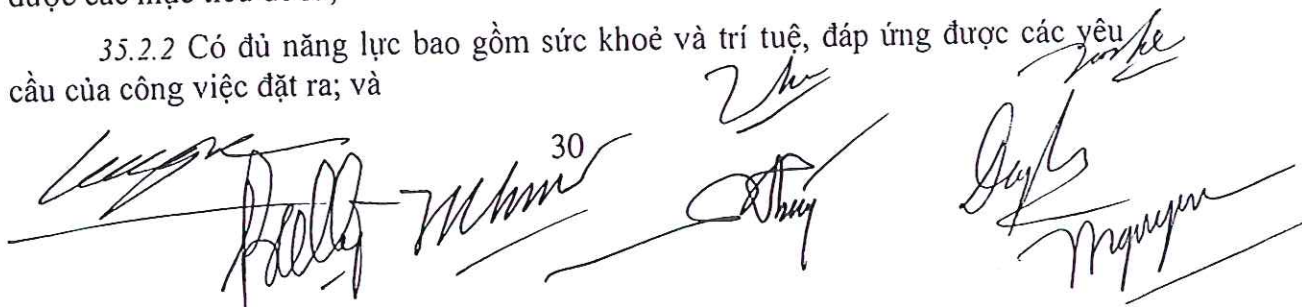
Điều 35: Người quản lý Công ty

35.1 - Theo đề nghị của tổng Giám đốc Công ty và sự chấp thuận của HĐQT, Công ty có một số lượng nhất định và các loại người quản lý cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do HĐQT đề xuất tùy từng thời điểm. Thành viên trong Ban Tổng Giám đốc đương nhiên là cán bộ quản lý Công ty.

35.2 - Người quản lý Công ty cần phải:

35.2.1 Có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra;

35.2.2 Có đủ năng lực bao gồm sức khỏe và trí tuệ, đáp ứng được các yêu cầu của công việc đặt ra; và



30

35.2.3 Không thuộc diện qui định tại Khoản 2 và 3 Điều 13 Luật Doanh nghiệp, không vi phạm các qui định của Pháp lệnh Cán bộ công chức.

35.3 - Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc Công ty do HĐQT quyết định.

Điều 36: Bổ nhiệm, bãi nhiệm; Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Công ty

36.1 - Bổ nhiệm:

HĐQT bổ nhiệm một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc Công ty; và ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty; thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc Công ty phải được báo cáo cho Đại hội cổ đông Thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

36.2 - Tiêu chuẩn:

36.2.1 - Tổng Giám đốc Công ty phải là người không bị pháp luật cấm giữ chức vụ này. Tức là những người vị thành viên; người không đủ năng lực hành vi; người đang thi hành hình phạt tù; nhân viên lực lượng vũ trang; các cán bộ công chức Nhà nước (trừ trường hợp người được cử làm đại diện quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty) và những người khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 13. Luật doanh nghiệp.

36.2.2- Phải là người có trình độ quản lý kinh tế, quản lý kinh doanh thuộc các ngành kinh tế - kỹ thuật, có ít nhất 5 năm công tác trong ngành nghề kinh doanh, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý công ty, hiểu biết Pháp luật. Tổng Giám đốc Công ty không được đồng thời là Giám đốc của một doanh nghiệp khác.

36.2.3- Có sức khoẻ và phẩm chất đạo đức tốt.

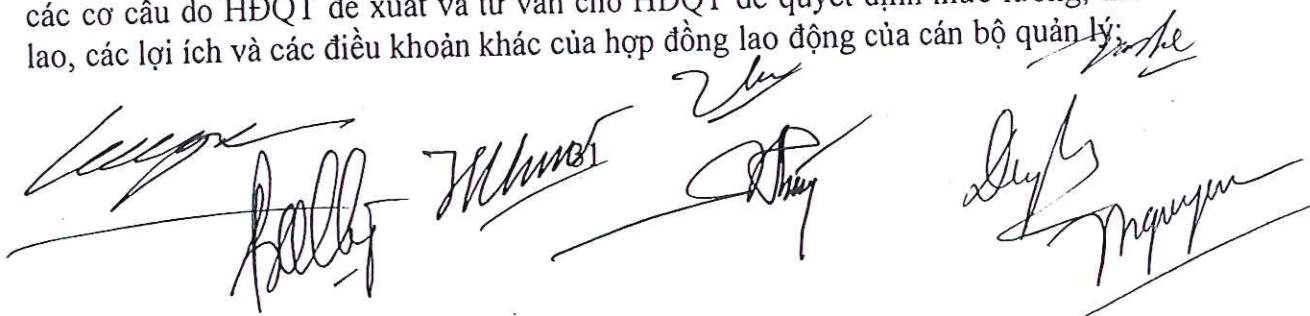
36.3 - Quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc công ty:

36.3.1 Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện cho Công ty trước Pháp luật. Là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, là người có quyết định cao nhất về điều hành Công ty.

36.3.2 Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, thực thi kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và HĐQT thông qua, bảo toàn và phát triển vốn;

36.3.3 Quyết định tất cả các vấn đề theo phân cấp của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế tài chính và thương mại theo quy định, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

36.3.4 Kiến nghị về số lượng, cơ cấu cán bộ quản lý để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất cũng như các cơ cấu do HĐQT đề xuất và tư vấn cho HĐQT để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;



36.3.5 Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ (kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc);

36.3.6 Xây dựng và trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch hàng năm, kế hoạch dài hạn, các quy chế tổ chức và điều hành công ty, quy chế tài chính, quy chế lao động tiền lương, quy chế sử dụng lao động, quy chế quản lý sử dụng thiết bị....., kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức công ty.

36.3.7 Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

36.3.8 Quyết định các biện pháp tuyên truyền, quảng cáo tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất.

36.3.9- Đề nghị HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh : Phó tổng giám đốc Công ty, Kế toán trưởng công ty. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với giám đốc, phó tổng giám đốc các đơn vị trực thuộc, trưởng phó các phòng ban, các chức danh tương đương và cán bộ công nhân viên dưới quyền trừ các chức danh do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

36.3.10- Quyết định lương, phụ cấp(nếu có) đối với người lao động trong công ty, cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc công ty.

36.3.11- Báo cáo trước HĐQT tình hình hoạt động, kinh doanh của công ty, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu của HĐQT, chuẩn bị các tài liệu cho các cuộc họp HĐQT.

36.3.12- Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong các trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT công ty.

36.3.13- Có quyền từ chối những quyết định của Chủ tịch, các thành viên HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ công ty và trái nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát.

36.3.14- Chịu trách nhiệm trước HĐQT, Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.

36.3.15- Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT và đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

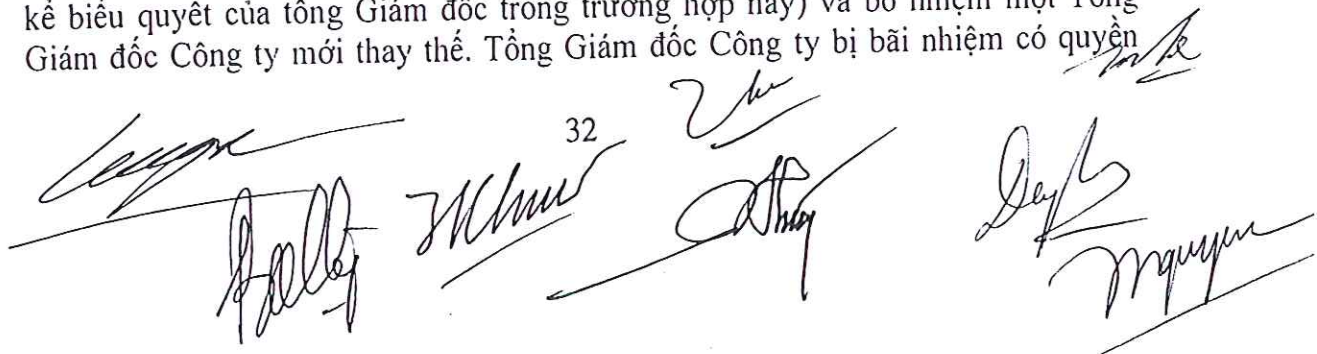
36.3.16 - Có quyền bảo lưu ý kiến của mình khi không nhất trí với Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét.

36.3.17 - Chịu sự kiểm tra giám sát của HĐQT, Ban kiểm soát và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện điều hành công ty.

36.4 - Bãi nhiệm, từ nhiệm

36.4.1 Bãi nhiệm Tổng Giám đốc Công ty: HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc Công ty với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của tổng Giám đốc trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc Công ty mới thay thế. Tổng Giám đốc Công ty bị bãi nhiệm có quyền

32



phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

36.4.2 Từ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty: Khi tổng Giám đốc công ty muốn từ nhiệm phải có đơn gửi HĐQT trước 45 ngày. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn HĐQT xem xét và quyết định.

Tổng Giám đốc Công ty đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Chết, mất trí, mất quyền công dân;
- Tự ý bỏ nhiệm sở;
- Vi phạm điều lệ công ty và các quy định của Pháp luật

Trường hợp Tổng Giám đốc Công ty bị mất tư cách, HĐQT phải tạm thời cử người thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

Điều 37 : Ủy quyền, ủy nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty

37.1- Tổng Giám đốc Công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm bằng văn bản cho các Phó tổng giám đốc Công ty hoặc người khác, giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về việc ủy quyền, ủy nhiệm của mình.

37.2- Người được tổng Giám đốc Công ty ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước tổng Giám đốc Công ty và trước Pháp luật về những công việc mình làm. Người được tổng Giám đốc công ty ủy quyền, ủy nhiệm không được ủy quyền, ủy nhiệm lại cho người thứ ba.

37.3- Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

Điều 38: Phó tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng bộ phận khác của Công ty

38.1- Công ty có một số Phó tổng Giám đốc giúp việc cho tổng Giám đốc Công ty do HĐQT Công ty qui định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty.

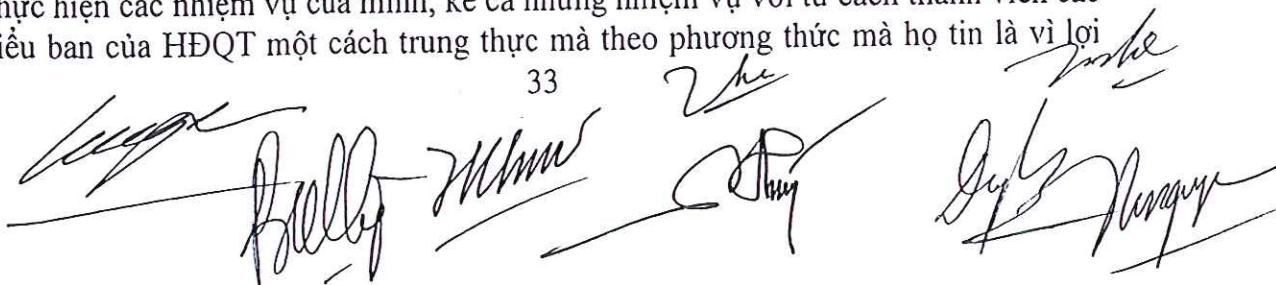
38.2 - Kế toán trưởng Công ty do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm và quyết định mức tiền lương, tiền thưởng trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Công ty và trước pháp luật về công tác kế toán - tài chính của Công ty.

38.3 - Các Trưởng bộ phận của Công ty tại các Phòng, Ban, Xí nghiệp, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Đội, Phân xưởng do Tổng Giám đốc bổ nhiệm sau khi có chấp thuận của HĐQT.

38.4 - Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng bộ phận khác của Công ty chịu sự điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc Công ty.

Điều 39: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

39.1- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty và người quản lý công ty thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT một cách trung thực mà theo phương thức mà họ tin là vì lợi



ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

39.2 - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty và người quản lý công ty không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kì tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

39.3 - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty và người quản lý công ty có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng này chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan cho phép.

39.4 - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty và người quản lý công ty phải quản lý và điều hành kinh doanh nhằm bảo vệ và phục vụ lợi ích của Công ty và các cổ đông, không được tiết lộ bí mật của Công ty, không được làm tổn hại mất uy tín của Công ty.

39.5- Khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:

- Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cán bộ quản lý.

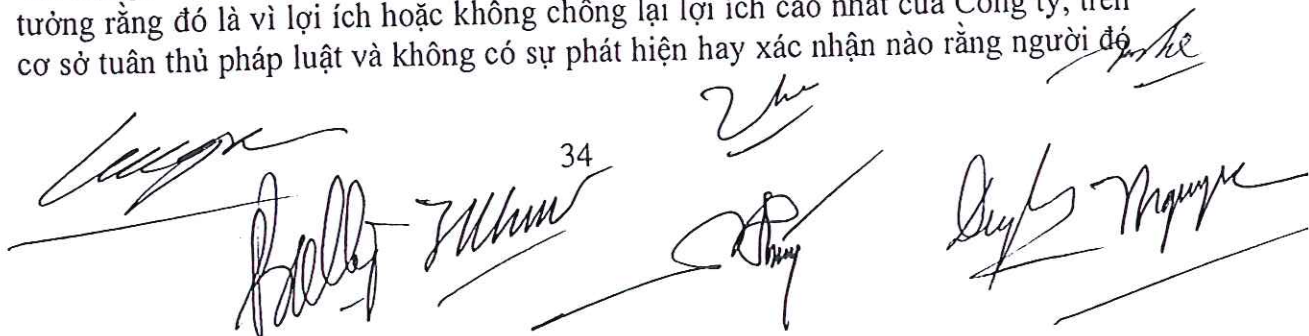
- Kiến nghị các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.

39.6 - Công ty không được phép cấp các khoản cho vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 40: Trách nhiệm và bồi thường

40.1 - **Trách nhiệm:** Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty và người quản lý công ty vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình do thiếu sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm vật chất về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. Ngược lại khi hoàn thành nhiệm vụ vượt mức cổ tức kế hoạch thì được thưởng đến 50% số cổ tức vượt kế hoạch.

40.2 - **Bồi thường:** Công ty sẽ bồi thường cho những cán bộ của mình về những thiệt hại mà họ có thể gây ra trong khi thực hiện công việc với tư cách thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của Công ty. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả chi phí luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó



đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương VII: Ban kiểm soát

Điều 41: Cơ cấu thành viên của Ban kiểm soát

41.1 - Ban Kiểm soát Công ty là người thay mặt cổ đông để kiểm tra, giám sát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, gồm có 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn với đa số tính theo số lượng cổ phần bằng thể thức trực tiếp và bỏ phiếu kín, trong đó có ít nhất 01 thành viên có chuyên môn về tài chính kế toán hoặc kiểm toán viên.

41.2- Các thành viên Ban kiểm soát bầu Trưởng ban kiểm soát.

Điều 42: Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát, điều kiện đề cử

42.1 - Có độ tuổi từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Luật doanh nghiệp.

42.2- Thành viên Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người quản lý khác. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

42.3- Thành viên Ban kiểm soát phải có trình độ, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty. Có ít nhất một thành viên trong Ban kiểm soát có chuyên môn về tài chính kế toán.

42.4- Điều kiện đề cử bầu vào Ban kiểm soát

42.3.1 - Đối với Đại hội đồng cổ đông thành lập :

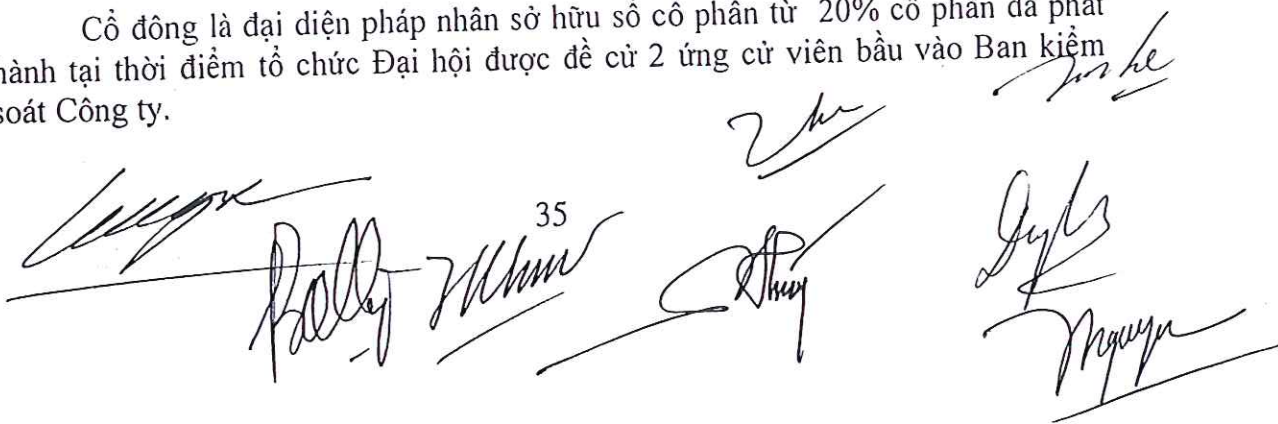
Cổ đông là đại diện pháp nhân sở hữu số cổ phần từ 8% đến 20% cổ phần phát hành lần đầu trở lên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông là thể nhân sở hữu số cổ phần từ 5% cổ phần phát hành lần đầu trở lên được đề cử 1 ứng cử viên bầu vào Ban kiểm soát Công ty.

Cổ đông là đại diện pháp nhân sở hữu số cổ phần từ 20% cổ phần phát hành lần đầu trở lên được đề cử 2 ứng cử viên bầu vào Ban kiểm soát Công ty.

42.3.2 - Đối với Đại hội đồng cổ đông khác :

Cổ đông là đại diện pháp nhân sở hữu số cổ phần từ 8% đến 20% cổ phần đã phát hành tại thời điểm tổ chức Đại hội, cổ đông hoặc nhóm cổ đông là thể nhân sở hữu số cổ phần từ 5% cổ phần đã phát hành trở lên tại thời điểm tổ chức Đại hội được đề cử 1 ứng cử viên bầu vào Ban kiểm soát Công ty.

Cổ đông là đại diện pháp nhân sở hữu số cổ phần từ 20% cổ phần đã phát hành tại thời điểm tổ chức Đại hội được đề cử 2 ứng cử viên bầu vào Ban kiểm soát Công ty.



35

Điều 43: Nhiệm kỳ Ban kiểm soát

43.1 - Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát bằng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 45 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

43.2- Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung thay thế theo thể thức bầu trực tiếp bỏ phiếu kín.

Điều 44: Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát

44.1- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, cụ thể:

- Việc thực hiện chế độ chính sách, pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty;
- Việc ban hành nghị quyết/ quyết định của HĐQT, Giám đốc Công ty;
- Việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn.

44.2 - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và trung thực trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính;

44.3 - Thẩm định tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần phổ thông; thẩm định báo cáo đánh giá công tác hoạt động và quản lý của HĐQT công ty;

44.4- Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

44.5 - Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

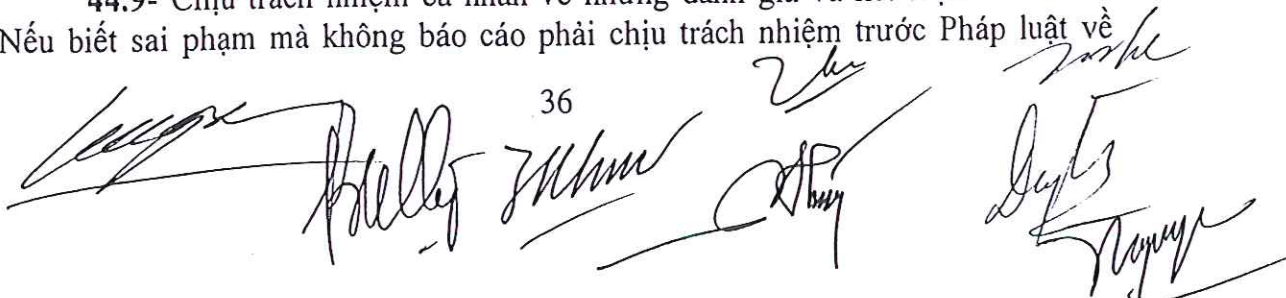
44.6- Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

44.7- Tổ chức các phòng ban công ty, các đơn vị trực thuộc kiểm soát nội bộ để báo cáo Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty trong quá trình quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

44.8- Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị khi được mời, phát biểu và có ý kiến, kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của HĐQT thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản họp và được báo cáo trực tiếp trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

44.9- Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật về

36



trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

44.10 - Thành viên của HĐQT, Giám đốc Công ty và người quản lý Doanh nghiệp phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát (theo điều 89 Luật doanh nghiệp); ngoài ra phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm cung cấp cho HĐQT.

44.11- Ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của công ty.

Điều 45: Trưởng Ban kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một thành viên là Trưởng Ban Kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau:

45.1- Phân công công việc cho các thành viên Ban kiểm soát

45.2- Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát; Yêu cầu HĐQT tổ chức cuộc họp HĐQT khi cần thiết;

45.3- Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;

45.4 - Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên Đại hội cổ đông.

45.5- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị khi được mời.

Điều 46: Quyền lợi và chế độ hợp của Ban kiểm soát

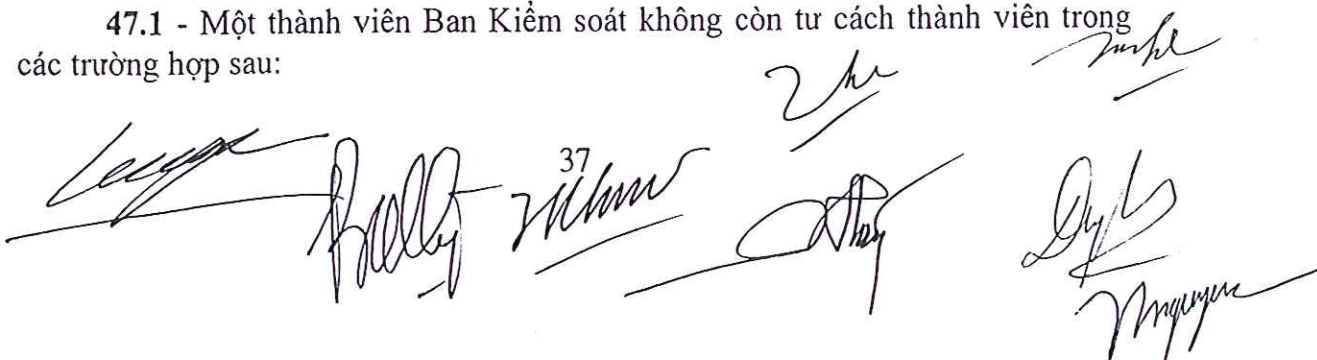
46.1 - Thành viên Ban Kiểm soát được hưởng thù lao và các lợi ích khác do đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn ở, chi phí thuê dịch vụ tư vấn độc lập phục vụ hoạt động của Ban kiểm soát và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổng mức thù lao và các chi phí không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Riêng năm đầu tiên của nhiệm kỳ, thù lao và các chi phí của Ban kiểm soát do HĐQT quy định.

46.2 - Sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT, Ban Kiểm soát ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được họp ít hơn hai lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 2 người.

Điều 47: Từ chức, từ nhiệm và mất tư cách thành viên Ban kiểm soát

47.1 - Một thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:



47.1.1- Thành viên đó không còn đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 42 Điều lệ này;

47.1.2- Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty; bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm khi không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

47.1.3- Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi;

47.1.4- Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 12 tháng, không tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.

47.2- Trường hợp khuyết trưởng ban kiểm soát thì số thành viên còn lại cử người thay thế.

47.3- Trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát có nghiệp vụ về tài chính kế toán thì HĐQT phải tạm thời cử người thay thế cho đến Đại hội đồng cổ đông gần nhất bầu bổ sung.

CHƯƠNG VIII: ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ LƯU HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 48: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

48.1 - Mọi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 19.6 đều có quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi một văn bản được yêu cầu kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

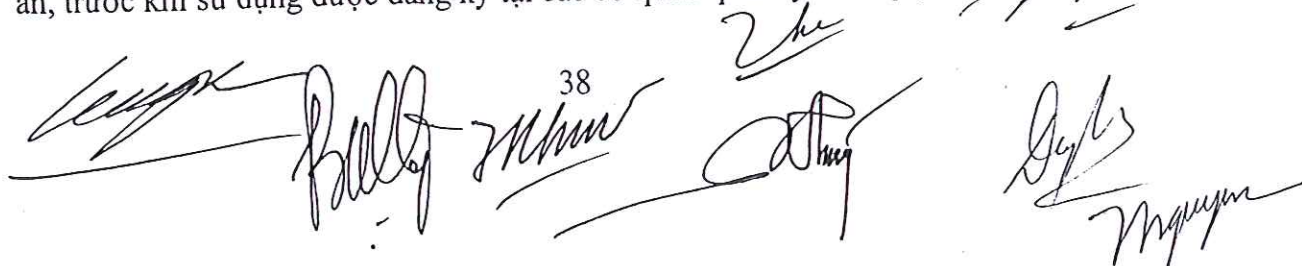
48.2 - Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty và những người quản lý công ty có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

Điều 49: Chế độ lưu giữ hồ sơ và bảo quản sử dụng con dấu

49.1 - Công ty phải lưu Điều lệ và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy đăng ký Kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, các báo cáo của Ban Kiểm soát, Báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

49.2- Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

49.3- Công ty có con dấu riêng được khắc theo quy định của cơ quan công an, trước khi sử dụng được đăng ký tại các cơ quan quản lý theo quy định.



49.4- Hội đồng quản trị. Giám đốc Công ty sử dụng và quản lý con con dấu theo quy định của Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IX: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI

Điều 50: Chế độ và quyền lợi của người lao động

50.1 -Giám đốc Công ty lập kế hoạch đề HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, sa thải, quỹ lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức chính trị xã hội được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và pháp luật.

50.2- Giám đốc Công ty có quyền tự do thuê mướn lao động theo nhu cầu của Công ty trên cơ sở của kế hoạch đã được HĐQT phê chuẩn, trừ các chức danh khác theo quy định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

50.3- Khi Doanh nghiệp có quyết định chuyển thành Công ty cổ phần thì Công ty có trách nhiệm kế thừa và thực hiện hợp đồng lao động đối với số lao động theo phương án sắp xếp sử dụng lao động được phê duyệt. Việc thay đổi điều chỉnh nội dung hợp đồng lao động đã ký hoặc ký lại hợp đồng lao động được thực hiện khi có sự thoả thuận giữa công ty và người lao động phù hợp với pháp luật.

50.4 - Công ty có trách nhiệm kế thừa và thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với số lao động sử dụng theo phương án sắp xếp lao động. Lao động tuyển dụng mới được công ty đảm bảo chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định hiện hành.

50.5- Cán bộ công nhân viên thuộc diện được mua cổ phần ưu đãi theo quy định được giảm giá 40% so với giá đấu giá bình quân khi Công ty phát hành cổ phần ra công chúng thông qua hình thức đấu giá..

Điều 51: Các tổ chức xã hội

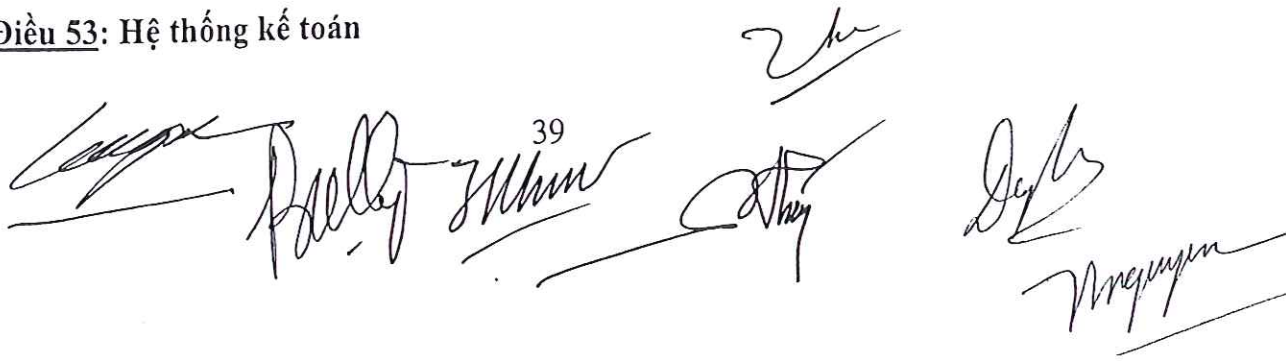
Công ty tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị- xã hội hoạt động theo quy định của hiến pháp và pháp luật.

CHƯƠNG X: HẠCH TOÁN, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

Điều 52: Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai năm đó.

Điều 53: Hệ thống kế toán



53.1 - Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

53.2 - Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

53.3 - Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 54: Tài khoản ngân hàng

54.1 - Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

54.2 - Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.

Điều 55: Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ.

Theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành với các công ty cổ phần, lợi nhuận của Công ty gồm:

Lợi nhuận chung = Tổng thu nhập – Tổng chi phí

Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận chung – Thuế

Trước khi chia cổ tức cho các cổ đông, Công ty sẽ phải trích lợi nhuận ròng của mình để lập quỹ của Công ty như sau:

- Quỹ dự trữ tài chính;
- Khoản trích này bằng mười phần trăm (10%) lợi nhuận ròng của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% Vốn Điều lệ Công ty;
- Quỹ Phát triển sản xuất kinh doanh 10%;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi 5%.

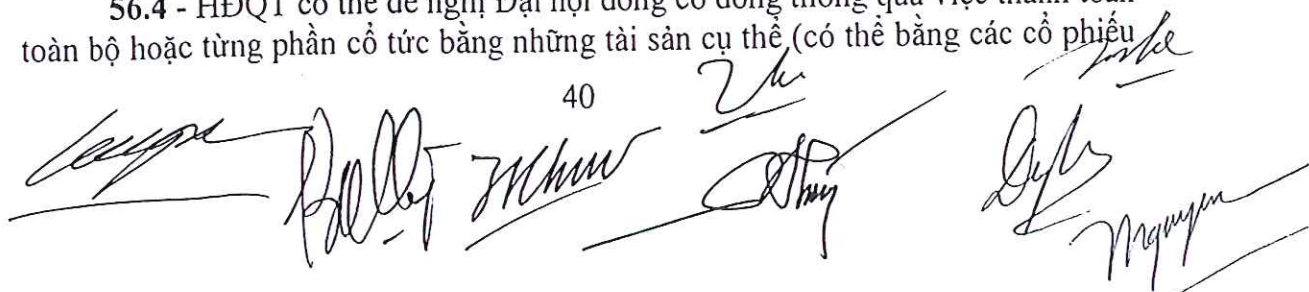
Điều 56: Cổ tức

56.1 - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, các cổ đông được nhận cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty sau khi đã trích lập các quỹ nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

56.2 - HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

56.3 - Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.

56.4 - HĐQT có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu



hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này.

56.5 - Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được.

56.6 - Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp.

Điều 57: Xử lý kinh doanh thua lỗ

Trường hợp kinh doanh bị thua lỗ, Đại hội cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

CHƯƠNG XI: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, YÊU CẦU VỀ KIỂM TOÁN VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 58: Báo cáo thường niên

58.1 - Công ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của pháp luật

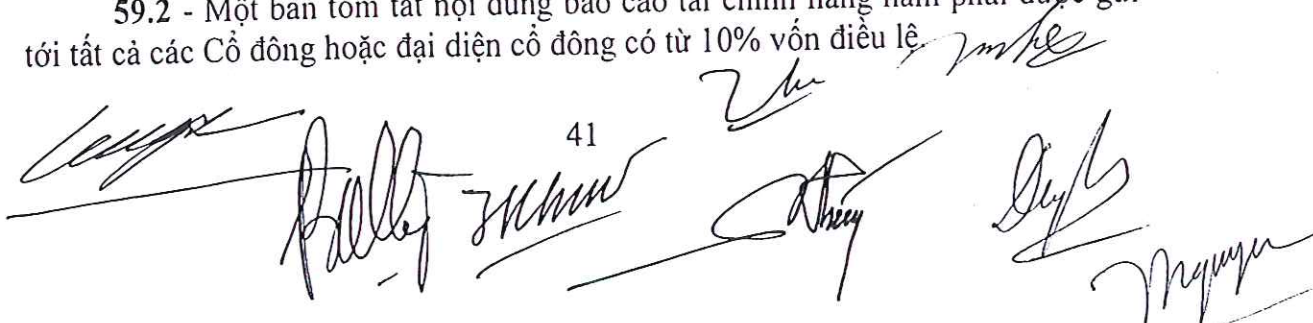
58.2 - Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một Bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Công ty là một công ty mẹ thì ngoài báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

Điều 59: Công khai thông tin về Công ty

59.1- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, và cơ quan đăng ký kinh doanh.

59.2 - Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được gửi tới tất cả các Cổ đông hoặc đại diện cổ đông có từ 10% vốn điều lệ.

41



Điều 60: Yêu cầu về kiểm toán

Trong các trường hợp cơ quan quản lý có yêu cầu thì báo cáo tài chính hàng năm phải được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

CHƯƠNG XII: GIẢI THỂ, THANH LÝ, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 61: Chấm dứt hoạt động

61.1 - Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

61.1.1 Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

61.1.2 Giải thể theo đề nghị của HĐQT và được Đại hội cổ đông thông qua.

61.1.3 Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

61.2 - Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định này phải làm thủ tục theo quy định của pháp luật tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 62: Thanh lý

62.1 - Ít nhất sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT sẽ phải thành lập Ban Thanh lý gồm: (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến Thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

62.2 - Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

62.3 - Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

62.3.1 Các chi phí thanh lý;

62.3.2 Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

62.3.3 Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

62.3.4 Các khoản vay (nếu có);

62.3.5 Các khoản nợ khác của Công ty;

62.3.6 Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (62.3.1) đến (62.3.5) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có) sẽ ưu tiên thanh toán trước.

42

Điều 63: Giải quyết tranh chấp nội bộ

63.1 - Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

63.1.1 Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty; hoặc

63.1.2 Một cổ đông hay các cổ đông với HĐQT, Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu HĐQT chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

63.2 - Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án.

63.3 - Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. án phí Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XIII: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 64: Sửa đổi, bổ sung điều lệ

64.1 - Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ này phải được Đại hội Cổ đông xem xét quyết định và thông qua.

64.2 - Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

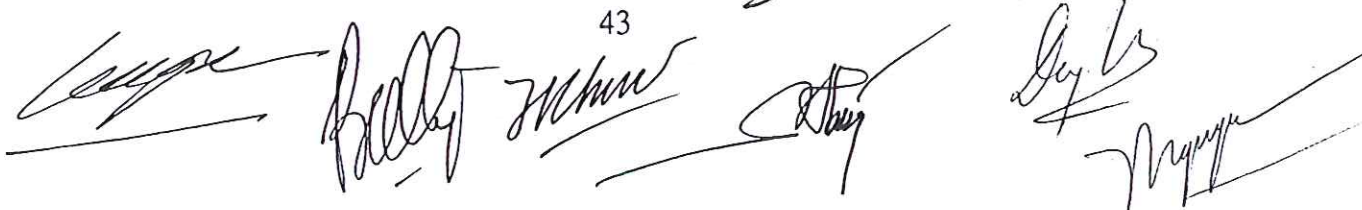
Điều 65: Ngày hiệu lực

65.1 - Bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung này gồm 13 chương, 65 điều, được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần LICOGI 16 nhất trí thông qua vào hồi 10 giờ ngày 07 tháng 02 năm 2007 tại TP Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ này. Bản điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

65.2 - Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị pháp lý như nhau, trong đó:

- 01 bản gửi Cơ quan đăng ký kinh doanh theo qui định pháp luật;
- 01 bản lưu giữ tại HĐQT;
- 01 bản lưu giữ tại Ban kiểm soát;

43



65.3 - Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

65.4 - Bản chính Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung của Công ty phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên HĐQT công ty. Riêng bản Điều lệ lần đầu được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty phải có đầy đủ chữ ký của các cổ đông sáng lập. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất 3/4 tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

Lập tại TP Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2007
Chủ tịch hội đồng quản trị



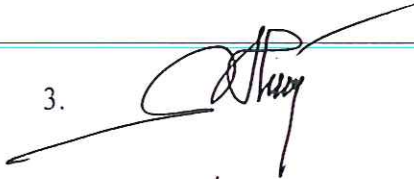
Các thành viên Hội đồng quản trị

1. 

Lê Văn Công

2. 

Hương Minh Khai

3. 

Vu Công Hưng

4. 

Nguyễn Dũng Bảo

5. 

Nguyễn Văn Lương. (theo UQ của ông Don Lam)

6. 

Nguyễn Văn Hòa